

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ASG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 31/2022/ASG

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022

V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGD CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Mã chứng khoán: ASG

Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 3761 6688

Fax: 024. 3772 8668

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lê Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG vào ngày 20/04/2022, tại đường dẫn: <http://asg.net.vn/vi/shareholders/co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2021
của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

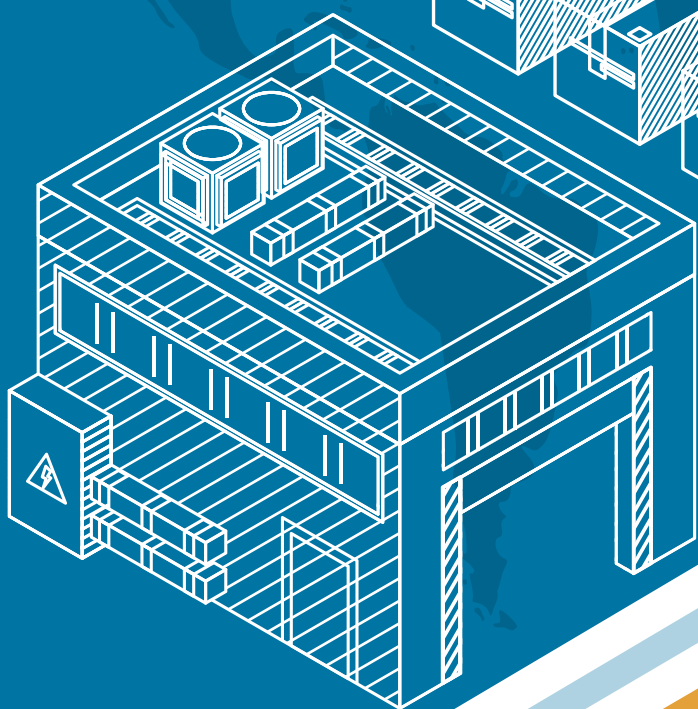
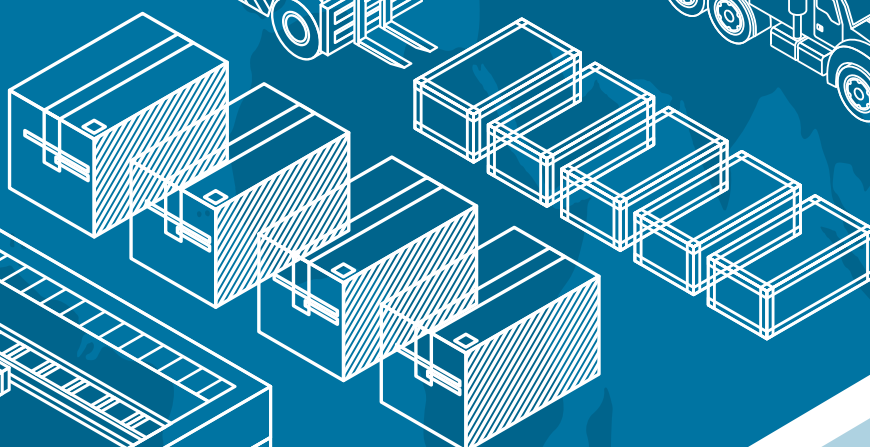
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Thị Lê Hằng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG



Báo cáo thường niên
2021

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 
2021



MỤC LỤC

I. ASG NĂM 2021

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Định hướng phát triển
3. Dấu ấn năm 2021

II. TỔNG QUAN VỀ ASG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành, phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tổng quan thị trường kinh doanh
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Báo cáo tình hình đầu tư
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

IV. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
2. Kế hoạch phát triển năm 2022

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021
2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021
3. Các giao dịch, lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

VI. BCTC HỢP NHẤT NĂM 2021 ĐÃ KIỂM TOÁN






CHƯƠNG I

ASG NĂM 2021

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Định hướng phát triển
3. Dấu ấn năm 2021



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý Nhà đầu tư,

Năm 2021 khép lại trong bối cảnh bức tranh đại dịch Covid-19 vẫn thể hiện những gam màu ảm đạm của biến chủng Delta và Omicron, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của nền kinh tế toàn cầu. Thêm vào đó là tác động từ biến động chính trị, xung đột thương mại và sự trở dậy của chủ nghĩa bảo hộ dân tộc ở một số quốc gia, khu vực...gây cho nền kinh tế vốn đã suy yếu bởi đại dịch lại càng khó khăn hơn.

Tại Việt Nam, năm 2021 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa, giãn cách kéo dài đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế và đời sống của người dân. Tuy nhiên, Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt và kịp thời: đẩy nhanh tiến độ bao phủ vaccine, từ chỗ chỉ có dưới 0,5% dân số được tiêm chủng vào cuối tháng 4/2021, đến nay đã có khoảng hơn 80% dân số được tiêm (khoảng 100% dân số trên 18 tuổi); chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch phù hợp tình hình mới, từ Zero Covid sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch Covid-19, vừa phòng, chống dịch, vừa khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội. Đồng

Doanh thu 2021 Bán hàng hóa & Cung cấp dịch vụ	Kế hoạch hoàn thành
722 tỷ	83,9%

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Kế hoạch hoàn thành
60,0 tỷ	86,0%

Ông **DƯƠNG ĐỨC TÍNH**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

thời, các chính sách như Nghị quyết 68/NQ-CP; Nghị quyết 105/NQ-CP; Nghị định 92/2021/NĐ-CP; Nghị quyết 116/NQ-CP... được Chính phủ triển khai theo hướng khẩn trương, quyết liệt hơn, tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai trước đó, nâng cao hiệu quả tiếp cận và lan tỏa của các gói hỗ trợ. Với những nỗ lực đó, nền kinh tế đang từng bước được phục hồi, ổn định vĩ mô được giữ vững, bức tranh kinh tế xuất hiện nhiều hơn những gam màu sáng.

Là một Tập đoàn với 3 lĩnh vực hoạt động chính: Dịch vụ logistics (ASG Logistics), Dịch vụ hàng không sân bay (ASG Aviation) và Đầu tư hạ tầng, khu công nghiệp (ASG Infrastructure), hoạt động sản xuất kinh doanh của ASG cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế trong nước và thế giới. Lĩnh vực dịch vụ hàng không sân bay vẫn đang phải chịu tác động mạnh do các biện pháp hạn chế đi lại nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, các đường bay quốc tế chưa thể mở lại. Tuy có nhiều khởi sắc do tình hình dịch bệnh bớt căng thẳng ở nhiều nền kinh tế lớn và nhu cầu giao thương tăng mạnh từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), dịch vụ logistics cũng gặp không ít khó khăn do sự lúng túng trong quản lý và sự không nhất quán trong việc ban hành và thực thi các văn bản, chính sách liên quan đến phòng chống dịch bệnh giữa các địa phương, như các quy định về thời hạn giấy xét nghiệm, tiêm vaccine, cơ chế phân luồng...

Trước những khó khăn chung, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên ASG đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện kịp thời các giải pháp ứng phó với dịch bệnh và biến động của thị trường, thực hiện công tác phòng

chống dịch, giữ an toàn cho Công ty và hỗ trợ tối đa các đối tác, khách hàng. Kết thúc năm 2021, ASG đạt doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 722 tỷ, hoàn thành 83,9% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đạt 60,0 tỷ, hoàn thành 86,0% kế hoạch. Mặc dù chưa đạt được kỳ vọng nhưng đây là kết quả rất đáng trân trọng mà tập thể cán bộ nhân viên đã phải nỗ lực rất lớn để đạt được trong hoàn cảnh đại dịch Covid 19 đang để lại nhiều hệ lụy cho nền kinh tế trong nước và thế giới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ nhân viên ASG đã không ngừng nỗ lực, đoàn kết và đồng hành cùng Tập đoàn trong thời gian khó khăn vừa qua. Đặc biệt tôi cũng xin bày tỏ lòng tri ân chân thành và sâu sắc đến toàn thể Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác, đã luôn tin tưởng và dành cho Tập đoàn ASG sự ủng hộ và đồng hành vô cùng quý báu trong suốt chặng đường vừa qua.

Bước sang năm 2022, với triển vọng khởi sắc hơn từ thương mại hậu Covid 19, những biện pháp hạn chế phòng dịch được dỡ bỏ và sự phục hồi của chuỗi cung ứng cùng với những chính sách đầu tư, khuyến khích phát triển, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn sẽ tiếp tục cùng nhau kiên định, đồng lòng vượt qua mọi thử thách để đưa Tập đoàn ASG tăng trưởng và vững bước trên chặng đường phát triển mới.

Một lần nữa thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tôi xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG ĐỨC TÍNH

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU:

Không ngừng đầu tư, xây dựng và phát triển các năng lực cốt lõi, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp để luôn cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, sẵn sàng chinh phục những thử thách nhằm vươn tới những tầm cao mới.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn đã cam kết với khách hàng;

Phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất, công nghệ;

Phát triển loại hình dịch vụ mới dựa trên năng lực cung cấp các dịch vụ cốt lõi của Công ty;

Phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên có đủ năng lực, trình độ nhằm mang lại giá trị gia tăng và tiện ích tối ưu cho khách hàng;

Đảm bảo quyền lợi cho người lao động và gia tăng giá trị cho cổ đông;

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với địa phương, cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Tăng cường đẩy mạnh hoạt động dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không tại các cảng hàng không và kho hàng không kéo dài;

Phát triển dịch vụ logistics nhằm hướng tới chuỗi dịch vụ logistics bao gồm: dịch vụ cho thuê kho bãi (bao gồm khai thác và quản lý hàng hoá), dịch vụ vận tải đa phương thức và dịch vụ phân phối.

Phát triển dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất bao gồm dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ khai thác sân đỗ,...

Phát triển và mở rộng thị trường tại các cảng hàng không quốc tế lớn trên cả nước: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cam Ranh, Đà Nẵng, Hải Phòng; các cảng biển có vị trí chiến lược thu hút nhiều hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa như Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các khu công nghiệp lớn.

Đầu tư và phát triển các khu công nghiệp và hạ tầng logistics nhằm góp phần hoàn thiện chuỗi dịch vụ của hệ thống ASG.

DẤU ẤN NĂM 2021



Hoàn thiện tái cấu trúc theo 03 trụ cột: Logistics – Hàng không – Hạ tầng và KCN

Tháng 10 năm 2021, Tập đoàn ASG hoàn thành tăng vốn điều lệ tại ASGA thông qua hình thức góp vốn bằng cổ phiếu CIA (tỷ lệ sở hữu là 52,35%). Trên cơ sở đó, ASG đã hoàn thành việc tái cấu trúc tập đoàn theo 03 trụ cột trọng tâm là ASGL (Logistics) – ASGA (Dịch vụ hàng không sân bay) và ASGI (Phát triển hạ tầng và khu công nghiệp).



Tăng trưởng trong điều kiện khó khăn

Doanh thu năm 2021 của Tập đoàn đạt 722 tỷ, tăng 5% so với mức 688 tỷ của năm 2020. Mặc dù đây là mức tăng khá khiêm tốn song kết quả tích cực này cho thấy nỗ lực của ASG trong việc tìm kiếm nguồn thu tại bối cảnh ngành hàng không phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong năm 2021.

Doanh thu năm 2021: **722** tỷ



Vốn điều lệ tăng lên mức 756,5 tỷ đồng

Tháng 8 năm 2021, ASG đã hoàn thành các thủ tục để nâng tổng vốn điều lệ của Tập đoàn lên mức 756,5 tỷ đồng (tăng 20%) thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Điều này cho thấy quyết tâm của Tập đoàn trong việc tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả.

Vốn điều lệ **756,5** tỷ

CHƯƠNG II TỔNG QUAN VỀ ASG

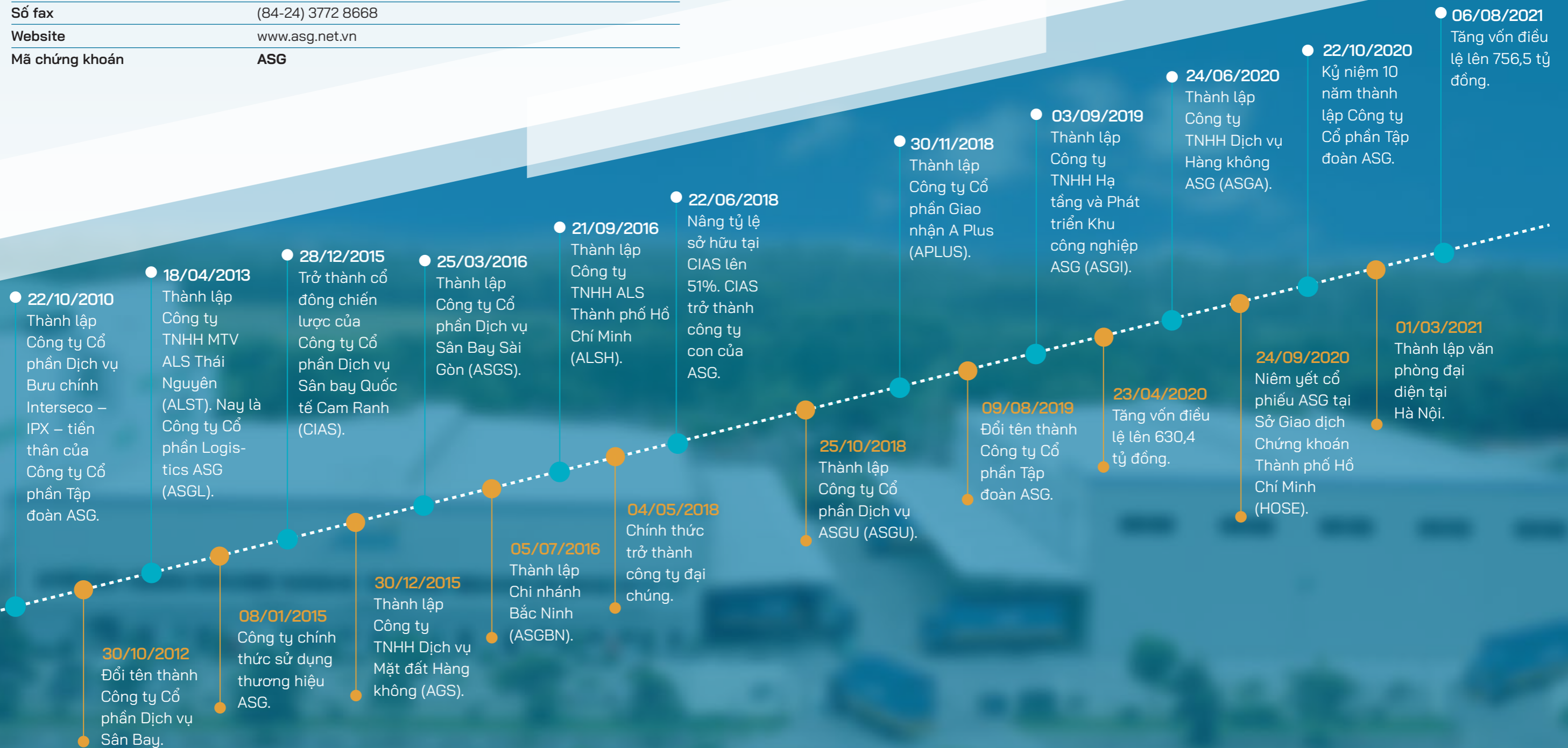
1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành, phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.
Vốn điều lệ	756.538.910.000 đồng
Địa chỉ	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại	(84-24) 3761 6688
Số fax	(84-24) 3772 8668
Website	www.asg.net.vn
Mã chứng khoán	ASG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh chính

Dịch vụ logistics bao gồm các nhóm dịch vụ: 01

Kho hàng không kéo dài; khai thác và chấp nhận hàng hàng không; dịch vụ phân phối, quản lý hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho, bãi; dịch vụ vận tải; dịch vụ forwarding;...



Dịch vụ hàng không sân bay bao gồm các nhóm dịch vụ: 02

Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; nhà ga hàng hóa; phòng khách hạng thương gia; phục vụ ăn uống và bán lẻ tại nhà ga hàng không; dịch vụ vận chuyển tổ bay và hành khách sân bay; dịch vụ bán hàng miễn thuế;...



Lĩnh vực đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp: 03

Đầu tư bất động sản khu công nghiệp, đầu tư trung tâm logistics; đầu tư nhà xưởng cho thuê, ...



2. Địa bàn hoạt động

Hệ thống ASG trải dài khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam bao gồm 15 công ty con và 1 chi nhánh, hoạt động tập trung tại các sân bay quốc tế và các khu công nghiệp lớn:



3. Chuỗi dịch vụ

Một trong những số ít các doanh nghiệp trong ngành Hàng không có chuỗi dịch vụ hàng không đồng bộ trên cả 2 lĩnh vực: phục vụ hàng hóa hàng không và phục vụ hành khách hàng không và tại Việt Nam.



Dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ logistics:

Hiện nay, ASG đã xây dựng và khai thác hệ thống các kho hàng không kéo dài và các khu dịch vụ logistics tại các Cảng hàng không, khu công nghiệp lớn; cung cấp dịch vụ đa dạng, chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng là những công ty sản xuất công nghệ cao và các công ty giao nhận hàng đầu trên thế giới. Ngoài ra, ASG đã và đang nghiên cứu các trung tâm logistics, các kho phân phối nhằm phát triển dịch vụ logistics ngày càng hoàn thiện.

Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và tiện ích tại nhà ga sân bay:



Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS) cung cấp dịch vụ cho các hãng Hàng không khai thác đường bay đi và đến sân bay quốc tế Cam Ranh như: Vietnam Airlines, Pacific Airlines, China Southern Airlines, Hong Kong Express Airways, Jeju Air, Silk Air,... và các đối tác sở hữu chuyến bay thuê chuyến thương mại (charter). Các dịch vụ chính: dịch vụ hành khách và hành lý; dịch vụ sân đỗ; dịch vụ hàng hóa; các dịch vụ VIP, dịch vụ đại diện hãng;...

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS) cung cấp các dịch vụ phòng khách hạng thương gia; dịch vụ ăn uống; dịch vụ quà tặng lưu niệm; dịch vụ vận chuyển hành khách đi và đến sân bay; dịch vụ bán hàng miễn thuế;... tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh (Khánh Hòa), Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, và các Cảng hàng không: Chu Lai (Quảng Nam), Phù Cát (Bình Định).

01

Dịch vụ phục vụ hàng hoá hàng không, dịch vụ logistics



Dịch vụ Hàng không Sân bay

02

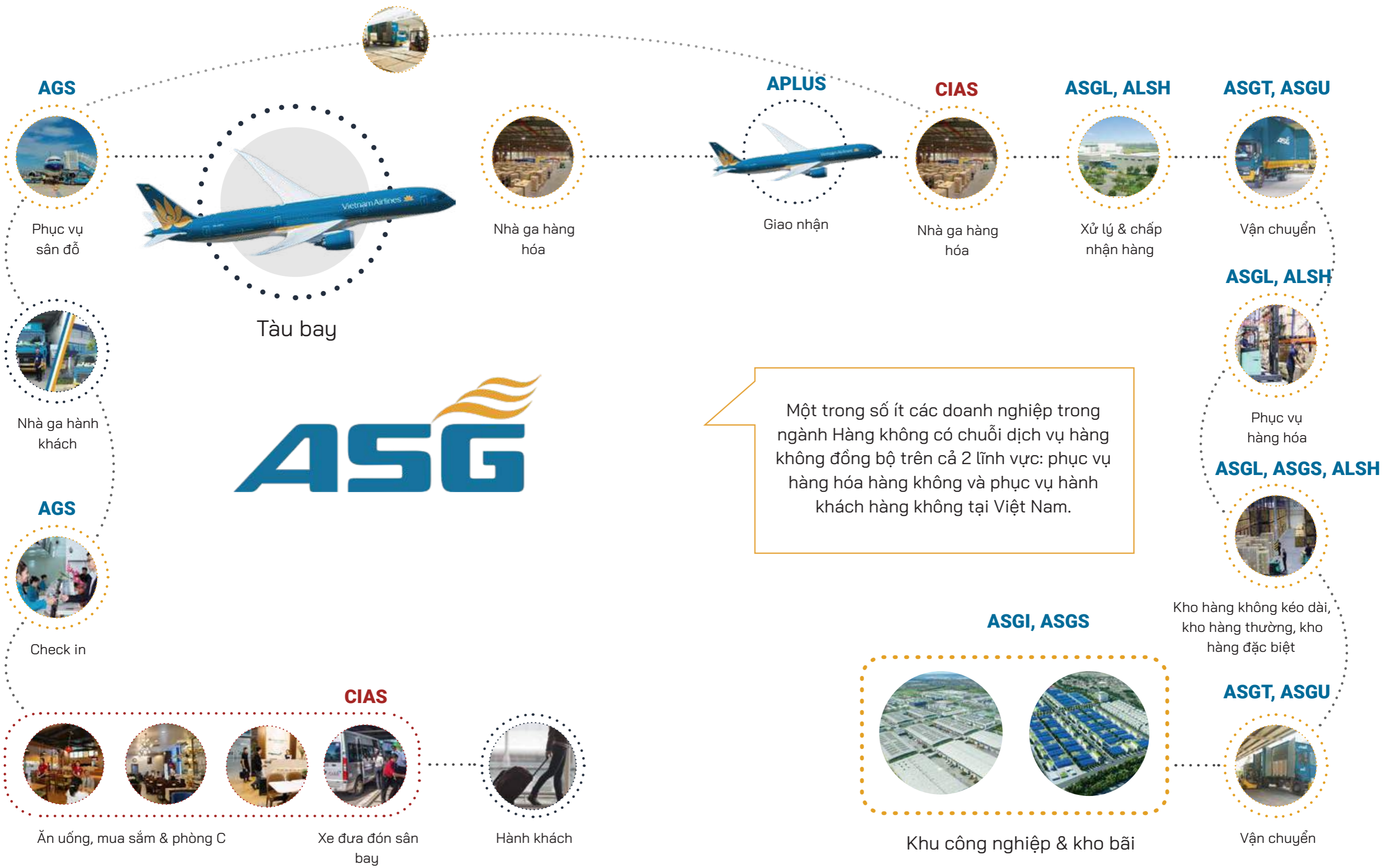
Đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp

03

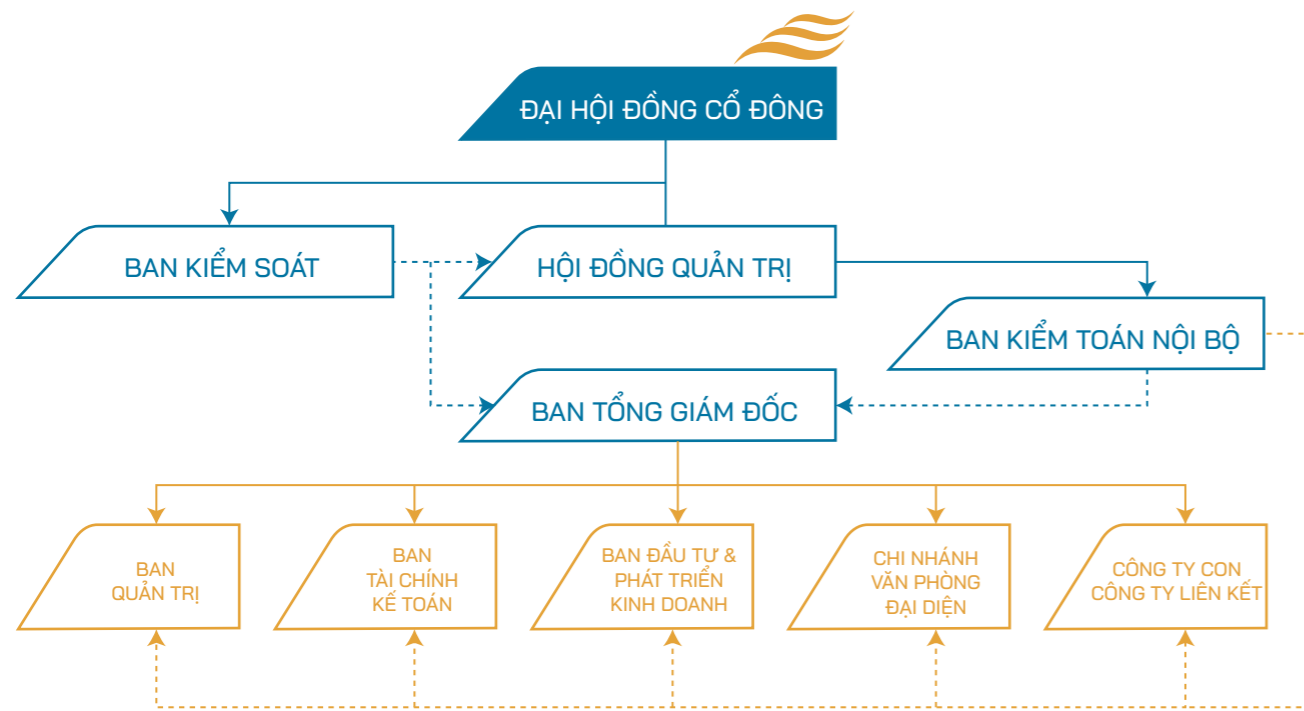
Đầu tư hạ tầng và phát triển khu công nghiệp

Với sứ mệnh tạo lập và phát triển các khu công nghiệp quy mô, tiện ích và hệ thống hạ tầng logistics hiện đại, Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (ASGI) được định hướng là nhà phát triển hạ tầng công nghiệp chuyên nghiệp và bền vững, trở thành đối tác tin cậy, uy tín của các nhà đầu tư, nhà sản xuất công nghiệp hàng đầu ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Hiện nay, Công ty ASGI đang nghiên cứu đầu tư một số dự án tại các tỉnh như: Hà Nội, Bắc Giang, Hưng Yên, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.





4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG xây dựng cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Chi nhánh:

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh (ASGBN)

Ban Tài chính - Kế toán:

Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong việc quản lý điều hành công tác tài chính, kế toán. Ban Tài chính Kế toán thực hiện nhiệm vụ xây dựng chiến lược, kế hoạch và chính sách tài chính trung và dài hạn; tham gia xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD; quản lý, kiểm soát chặt chẽ phần vốn góp của Công ty vào các công ty con, công ty liên kết; hạch toán kế toán, thống kê các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; thực hiện việc kiểm soát chi phí; xây dựng và vận dụng hiệu quả các công cụ tài chính giúp huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo cân đối và sử dụng hiệu quả nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động SXKD theo quy định của Công ty, Luật Kế toán và các quy định khác có liên quan.



Ban Đầu tư và Phát triển Kinh doanh:

Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư, quản lý và điều phối các nguồn lực của Công ty; tìm kiếm và đề xuất các cơ hội phát triển hoạt động đầu tư, kinh doanh. Ban Đầu tư và Phát triển Kinh doanh thực hiện nhiệm vụ xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư trung và dài hạn; thẩm định, đề xuất và thực hiện phương án đầu tư; giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư; quản lý và phân bổ nguồn vốn đầu tư và tài sản.



Ban Quản trị:

Có chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức nhân sự, quản trị hành chính, công nghệ thông tin và quản lý tài sản. Ban Quản trị có nhiệm vụ xây dựng chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động, xây dựng kế hoạch và thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo; quản lý tài sản, thực hiện việc sửa chữa bảo dưỡng tài sản và các công tác kỹ thuật nhằm đảm bảo nguồn lực về nhân sự, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Chi nhánh trực thuộc.



Ban Kiểm toán nội bộ:

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của Công ty.



DANH SÁCH CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Logistics ASG	ASGL	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	99,93%
2	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	ASGI	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	ASGA	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;...	100%
4	Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	ASL	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hoá	74,50%

DANH SÁCH CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh	ALSH	Tòa nhà Hải Âu, số 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	59,96%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	ASGS	Tòa nhà Hải Âu, số 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics.	97,97%
3	Công ty TNHH Vận tải ASG	ASGT	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	99,93%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	ASGU	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Dịch vụ logistics phục vụ các loại hàng hóa, trang thiết bị đặc biệt...	50,97%
5	Công ty Cổ phần Giao nhận A Plus	APLUS	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	Dịch vụ trung gian giao nhận (forwarding).	59,96%
6	Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	AGS	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.	38,73%
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	CIAS	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	Cung cấp các dịch vụ: Bán hàng miễn thuế, mỹ nghệ, lưu niệm; phục vụ khách hạng thương gia tại phòng khách hạng thương gia; bán hàng ăn uống; đưa đón khách sân bay;...	51,64%
8	Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh	CATC	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ thương mại hàng không.	51,64%



STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
9	Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh	CRCT	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa.	51,64%
10	Công ty Cổ phần Miễn thuế cửa khẩu quốc tế IDF	IDF	Số 027, Tổ 2, Đường Hưng Hóa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.	Bán lẻ hàng hóa, thực phẩm,....	33,57%
11	Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	HGT	Cổng số 2, 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...	60,00%

DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Danh sách	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội	HNAS	Tầng 3, tòa nhà NTS, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Dịch vụ thương mại, du lịch.	27,16%
2	CTCP Dịch vụ Hàng không Sài Gòn	SACS	187/7 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Sửa chữa máy móc, thiết bị.	47,03%
3	Công ty Cổ phần Logistics AGH	AGHL	Ô số 215 tầng 2, tòa tháp Tây thuộc dự án khu nhà ở cán bộ H, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, vận tải hàng không, vận tải đường thủy.	47,57%
4	Công ty Cổ phần HANA-DH TLS	HANA-DH TLS	Lô G4, Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Dịch vụ đóng gói.	10,19%
5	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh		338B, đường 30/4, Khu phố thương mại, Khu phố 1, Phường 3, Tây Ninh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải và các dịch vụ logistics.	20,99%
6	Công ty Cổ phần Vinafco	VFC	Tự Khoát, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, vận tải đường bộ và vận tải đường biển.	24,83%
7	Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam		Số nhà 42, ngõ 34 Phố Nghĩa Đô, Cựm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Hà Nội	Cung cấp giải pháp vận chuyển, dịch vụ giao hàng nhanh.	20,95%



5. Rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó hoạt động kinh doanh của ASG cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô. Tuy những yếu tố rủi ro kinh tế nằm ngoài khả năng điều chỉnh của ASG, nhưng Công ty đã thiết lập và duy trì hệ thống nhận diện, dự báo, đánh giá đối với các kịch bản rủi ro có thể xảy ra, đó là cơ sở để điều chỉnh lại các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, hạn chế tối đa ảnh hưởng của các rủi ro này.

Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu

Giá xăng dầu biến động trong năm 2021 có xu hướng tăng mạnh so với thời điểm cuối năm 2020, cụ thể: trong năm 2021 giá xăng đã tăng khoảng 6.816 đồng/lít, giá dầu tăng khoảng 5.330 đồng/lít. Biến động giá xăng dầu và các khoản phí có liên quan trong tương lai sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mảng kinh doanh vận tải của Công ty. Để giảm các rủi ro ảnh hưởng từ biến động giá nhiên liệu, ASG triển khai các hoạt động để giảm thiểu ảnh hưởng từ rủi ro này bằng nhiều chương trình hành động khác nhau như: xây dựng và cập nhật định mức tiêu hao nhiên liệu; thường xuyên kiểm tra kỹ thuật, tiến hành bảo dưỡng đội xe; triển khai chương trình tiết kiệm nhiên liệu;...



Rủi ro về chính sách pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của Công ty. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh lớn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Hàng không dân dụng và các văn bản dưới luật liên quan khác. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời trong các quy định, chính sách của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan.

Rủi ro bất khả kháng

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về dịch bệnh hiểm nghèo, động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh... Công ty luôn chủ động để đưa ra những giải pháp ứng phó kịp thời, đảm bảo an toàn cho người lao động, an toàn tài chính, tránh những thiệt hại có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới tham gia vào chuỗi dịch vụ hàng không và dịch vụ logistics. Chiến lược cạnh tranh phổ biến của các doanh nghiệp mới là hạ giá dịch vụ để kéo khách hàng, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị phần và tỷ suất sinh lời của ASG. Bên cạnh đó, các đối thủ cạnh tranh cũng tạo sức ép lên hạ tầng chung của ngành hàng không và ngành logistics vốn đang trong tình trạng quá tải, khiến tình trạng chung của ngành thêm khó khăn.

Trước áp lực đó, ASG nhanh nhạy thích ứng với chiến lược tối ưu hóa chuỗi dịch vụ khép kín, cung cấp dịch vụ chất lượng cao tới các khách hàng. Bên cạnh đó, ASG không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng: kho bãi, phương tiện vận tải, hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực, chuyên môn của đội ngũ CBNV,... Ngoài ra, ASG chú trọng đến việc tích hợp và hỗ trợ chéo của các Công ty trong hệ thống nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh.





CHƯƠNG III

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tổng quan thị trường kinh doanh
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Báo cáo tình hình đầu tư
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

1. Kinh tế vĩ mô ổn định

Kinh tế - xã hội năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi khi các nước đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc - xin phòng chống dịch Covid-19 nhưng sự xuất hiện các biến chủng mới khiến quá trình phục hồi kinh tế có dấu hiệu chậm lại. Ngân hàng Thế giới cho biết tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2021 đạt mức 5,5% và dự kiến sẽ giảm trong các năm tiếp theo. Giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, đại dịch đã gây tác nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm tăng giá nguyên liệu sản xuất là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các địa phương kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách kịp thời để phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về ban hành quy định tạm thời "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19", cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội; sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương; sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được kết quả đáng ghi nhận.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh, đây là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc nền kinh tế cả năm duy trì đà tăng trưởng dương và đang phục hồi nhanh, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục... Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế hồi phục và bật tăng mạnh mẽ trong năm 2022.

2. Ngành hàng không

Tại Việt Nam, chỉ vài tháng ngắn ngủi, đại dịch Covid-19 cùng những hệ lụy đã xóa sổ hoàn toàn những thành tựu tích lũy trong suốt hàng chục năm qua của ngành hàng không. Việc tạm dừng bay nội địa là không mới đối với các hãng hàng không, khi 2021 đã là năm thứ hai Covid-19 diễn biến phức tạp, tuy nhiên đây là giai đoạn số lượng chuyến bay của các hãng giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi đại dịch khởi phát. Trong khi đó, bay quốc tế vẫn "đóng băng" kể từ đợt bùng phát dịch đầu tiên ngoại trừ các chuyến bay đưa công dân về nước hoặc chở chuyên gia nước ngoài.

Tuy nhiên với sự nỗ lực của các hãng hàng không cùng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không và các cơ quan quản lý... thị trường hàng không Việt Nam đã dần hồi phục những bước đầu tiên vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022. Không chỉ bay nội địa có những tín hiệu tích cực mà từ ngày 15/2, Việt Nam chính thức dỡ bỏ hạn chế về tần suất khai thác các chuyến bay quốc tế, trở lại bình thường như trước khi xảy ra đại dịch Covid-19. Điều này đã đem đến những hy vọng phục hồi cho ngành hàng hàng không, du lịch và nhiều hoạt động sản xuất kinh tế khác.

3. Ngành logistics

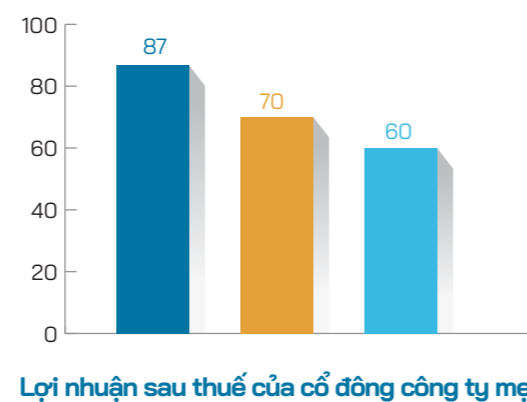
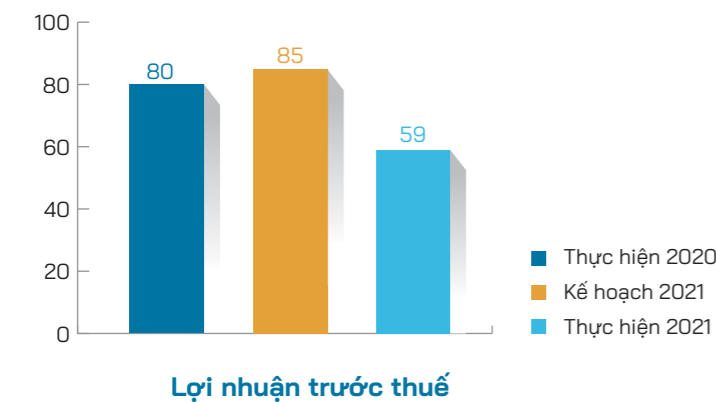
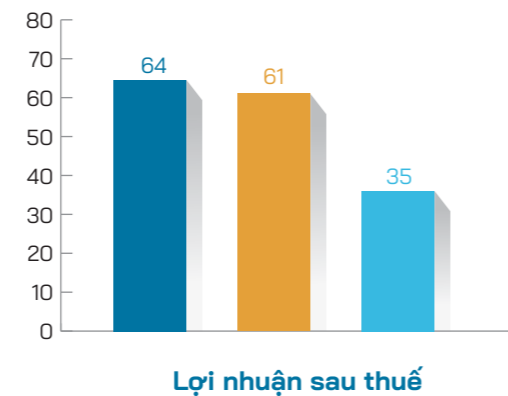
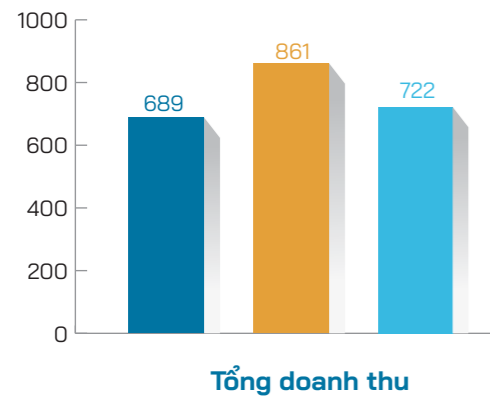
Dự báo thị trường logistics sẽ tăng trưởng với tốc độ 1,5%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025. Tuy nhiên, với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 gần đây cùng sự xuất hiện của các biến chủng virus mới có tốc độ lây lan nhanh hơn, khó lường hơn như Delta và Omicron, theo đánh giá của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), năm 2022 vẫn sẽ là một năm bất định đối với thương mại toàn cầu, theo đó, triển vọng ngành logistics toàn cầu trong năm tới vẫn còn là một ẩn số. Dầu vậy, logistics vẫn là lĩnh vực đang thu hút đầu tư mạnh tại Việt Nam và dự báo sẽ tăng trưởng vượt trội nhờ các ngành công nghiệp phụ trợ, chế tạo ô tô, linh kiện điện tử và chính sách đầu tư của Nhà nước vào các vùng kinh tế trọng điểm. Đòn bẩy thúc đẩy logistics còn đến từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Sau những ảnh hưởng do Covid-19, tín hiệu thị trường vào những tháng cuối năm cho thấy bức tranh tươi sáng của ngành logistics Việt Nam trong tương lai gần.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
1	Tổng doanh thu	689	861	722	104.83%	83.92%
2	Lợi nhuận trước thuế	80	85	59	73.99%	69.53%
3	Lợi nhuận sau thuế	64	61	35	54.66%	57.21%
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	87	70	60	68.80%	85.97%



2. Các kết quả đạt được trong năm

Dịch Covid-19 diễn ra rất phức tạp và có ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn, đặc biệt là mảng Dịch vụ hàng không sân bay bị gián đoạn. Tuy nhiên kết thúc năm 2021, doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vẫn tăng trưởng nhẹ (+5%) so với năm 2020. Đây là kết quả đến từ tăng trưởng của các nhóm ngành Dịch vụ hàng hoá hàng không (+13%), Dịch vụ vận tải (+6%) và Dịch vụ cho thuê kho bãi (+32%). So sánh với kế hoạch năm 2021, Tổng doanh thu đạt 722 tỷ, hoàn thành 84% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 60,0 tỷ, hoàn thành 86% kế hoạch.

Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm 2021 so với năm 2020

+5%

Dịch vụ hàng hoá hàng không

+13%

Dịch vụ vận tải

+6%

Dịch vụ cho thuê kho bãi

+32%

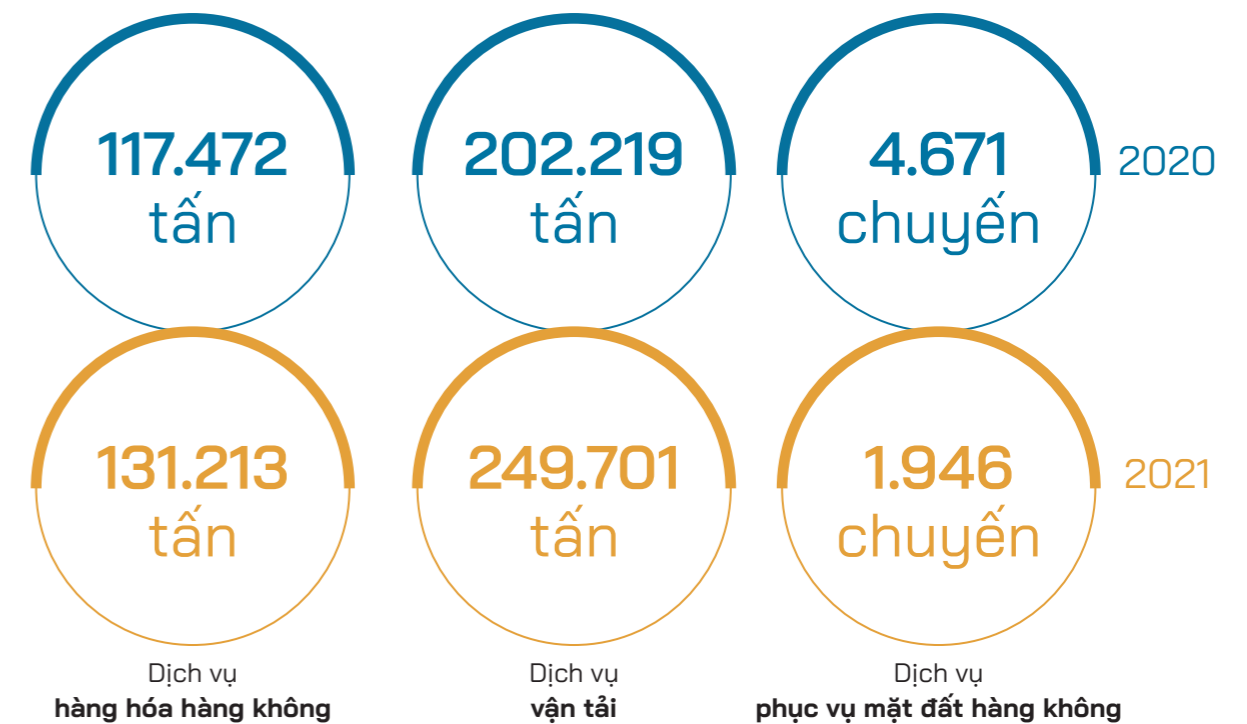
Tổng doanh thu đạt

722 tỷ

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt

60,0 tỷ

3. Sản lượng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các kết quả đạt được trong năm

Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì lành mạnh, hiệu quả. Tổng tài sản thời điểm 31/12/2021 là 2.140 tỷ đồng; tăng 7% so với thời điểm 31/12/2020. Công ty không bị mất cân đối vốn, nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn đủ để tài trợ cho toàn bộ tài sản dài hạn và một phần tài sản ngắn hạn.

Các hệ số nợ đều ở mức an toàn, hợp lý, các khoản vay nợ chủ yếu là các khoản vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, nhà kho, trang thiết bị, phương tiện vận tải và tăng quy mô vốn hoạt động.

Tổng tài sản 2021
2.140
tỷ đồng

Các thông tin tài chính cơ bản

	2020	2021	Tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	2,006	2,140	6.69%
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu	1,330	1,381	3.85%
Doanh thu thuần	688	722	4.96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75	59	-20.86%
Lợi nhuận khác	6	0	-
Lợi nhuận trước thuế	80	59	-26.01%
Lợi nhuận sau thuế	64	35	-45.34%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	87	60	-31.20%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	Dự kiến 15%	

Các chỉ tiêu tài chính

	Đơn vị	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	3.23	1.52
Hệ số thanh toán nhanh	lần	3.21	1.49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0.34	0.35
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0.51	0.55
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng/kỳ	56.49	46.92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng/kỳ	0.34	0.34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	lần	0.09	0.05
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	lần	0.10	0.05
Hệ số LNST/Tổng tài sản	lần	0.03	0.02
Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	lần	0.11	0.08

	2020	2021
5. Các chỉ tiêu khác		
Tài sản cố định/Tổng tài sản	17.14%	15.69%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	54.20%	29.44%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	51.00%	54.95%
Nợ/Tổng tài sản	33.77%	35.46%
Nợ Ngắn hạn/Tổng tài sản	16.93%	19.41%
Nợ Dài hạn/Tổng tài sản	16.84%	16.05%
Biên lợi nhuận gộp	26.06%	25.05%
Biên LNST	8.47%	5.00%
ROA	4.35%	2.87%
ROE	6.57%	4.45%
Hệ số thanh toán hiện hành	3.20	1.52
Hệ số thanh toán nhanh	3.17	1.48
Vòng quay khoản phải thu	6.10	5.82
Vòng quay khoản phải trả	9.29	7.54
Vòng quay hàng tồn kho	53.76	47.10
Số ngày khoản phải thu	59.79	62.69
Số ngày khoản phải trả	39.30	48.42
Số ngày hàng tồn kho	6.79	7.75



BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2021 là trên 550 tỷ đồng trong đó:

- ASG đã thực hiện đầu tư cổ phần/góp vốn tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics/hàng không với tổng giá trị đầu tư là trên 520 tỷ đồng.
- Đầu tư Khu dịch vụ logistics tại Bắc Ninh – Giai đoạn 2 với tổng giá trị đầu tư là 96,3 tỷ đồng trong đó giá trị đầu tư trong năm 2021 là 21 tỷ đồng.
- Công ty thực hiện đầu tư thêm xe nâng và các trang thiết bị để phục vụ vận chuyển, khai thác hàng hóa cho các khách hàng Samsung, Welstory, KGL,...

Tổng giá trị đầu tư 2021

>550
tỷ đồng



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông:

Số lượng cổ phần đang lưu hành:

75.653.891
cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:

0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách cổ đông CTCP Tập đoàn ASG tại ngày 31/12/2021):

STT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	
1	Cổ đông lớn/Cổ đông nhỏ	75.653.891	100%	<p>23,28% Cổ đông lớn</p> <p>76,72% Cổ đông nhỏ</p>
	Cổ đông lớn	17.610.057	23,28%	
	Cổ đông nhỏ	58.043.834	76,72%	
2	Cổ đông nhà nước/Cổ đông khác	75.653.891	100%	<p>0% Cổ đông nhà nước</p> <p>100% Cổ đông khác</p>
	Cổ đông nhà nước	-	0%	
	Cổ đông khác	75.653.891	100%	
3	Cổ đông tổ chức/Cổ đông cá nhân	75.653.891	100%	<p>26,99% Cổ đông nhà nước</p> <p>73,01% Cổ đông khác</p>
	Cổ đông tổ chức	20.417.584	26,99%	
	Cổ đông cá nhân	55.236.307	73,01%	
4	Cổ đông trong nước/Cổ đông nước ngoài	75.653.891	100%	<p>0,82% Cổ đông nước ngoài</p> <p>99,18% Cổ đông trong nước</p>
	Cổ đông trong nước	75.034.283	99,18%	
	Cổ đông nước ngoài	619.608	0,82%	

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2020:

Vốn điều lệ trước phát hành:

630.449.640.000 đồng

Vốn điều lệ sau phát hành:

756.538.910.000 đồng

Tổng số lượng cổ phần phát hành:

12.608.927 cổ phần

Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu

Thời điểm thay đổi vốn: Từ ngày 08/07/2021

Cơ quan chấp thuận:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO VỀ LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Cấu trúc quản trị của Công ty được xây dựng trên nền tảng tổ chức tinh gọn, đa nhiệm, đồng thời vận hành theo cơ chế phân quyền linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo các chuẩn mực về quản trị theo mô hình Tập đoàn.

Trong năm 2021, Công ty đang từng bước áp dụng những hệ thống phần mềm quản lý như quản lý thông tin nhân sự, quản lý nhu cầu tuyển dụng, quản lý hiệu quả làm việc, quản lý tài nguyên văn phòng... Với cơ sở là mô hình vận hành được xây dựng khoa học, thông tin về cơ cấu tổ chức được chi tiết đến từng vị trí công việc, việc ứng dụng phần mềm trong vận hành đã, đang và sẽ hỗ trợ hiệu quả trong việc nâng cao năng suất lao động, tinh giản thủ tục hành chính và tăng cường sự minh bạch, chính xác.

CHÍNH SÁCH CHUNG

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế nói chung và ASG nói riêng. Trong bối cảnh đó, việc Công ty vẫn nỗ lực thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ, phúc lợi nhân sự đã thể hiện rõ cam kết đồng hành bền vững của ASG trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Yếu tố con người luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng quan tâm và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự phát triển của ASG. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng hóa hàng không, giờ giấc làm việc ảnh hưởng tới nhịp sinh học cơ thể và tác động không nhỏ tới năng suất lao động, vì vậy công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên luôn là quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty.

Các chính sách và quy định về thời gian làm việc của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho cán bộ nhân viên. Căn cứ vào từng giai đoạn khai thác trong năm (mùa cao điểm – thấp điểm), nhân sự trong công ty sẽ được sắp xếp – bố trí hợp lý trên tinh thần tự nguyện – cân đối với những giới hạn cho phép theo quy định pháp luật, qua đó vừa đáp ứng kế hoạch khai thác, vừa ổn định thể chất và tinh thần cho người lao động.

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

ASG luôn đảm bảo vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Cơ sở vật chất công sở liên tục được ASG tập trung đầu tư và nâng cấp với thiết kế tiện dụng, tối ưu công năng. Trang thiết bị làm việc cũng được đầu tư một cách đồng bộ, tiện nghi nhằm duy trì không gian làm việc sạch sẽ, thoáng đãng, ngăn nắp. Ngoài ra, Công ty cũng bố trí không gian nghỉ ngơi, cung cấp đồ uống miễn phí phục vụ nhu cầu của Cán bộ nhân viên.

Cán bộ nhân viên được trang bị đồng phục, bảo hộ lao động và các công cụ dụng cụ cần thiết theo công việc nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình SXKD.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

ASG luôn xác định đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt đối với sự phát triển của Công ty. Công tác phát triển nhân lực luôn được ưu tiên thông qua hoạt động đào tạo. Cán bộ nhân viên của ASG được trang bị những kiến thức nền tảng về hàng hóa, an toàn an ninh hàng không và kiến thức chuyên môn sâu liên quan tới các chủng loại hàng hóa đặc biệt, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của IATA, Cục Hàng không Việt Nam và Quy chế an ninh hàng không đã ban hành.

Trong năm 2021, 175 lượt cán bộ nhân viên được tham gia đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý, nâng cao nghiệp vụ, cập nhật kiến thức chuyên môn, đảm bảo an ninh an toàn cho hàng hóa, hành khách trong lĩnh vực hàng không và an toàn vệ sinh lao động.

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

ASG luôn chú trọng xây dựng và phát triển các chính sách lương, thưởng phù hợp với định hướng phát triển tại từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa năng suất lao động.

Chính sách đãi ngộ luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo điều kiện cho người lao động ổn định cuộc sống và gắn bó lâu dài với công ty. Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá, xét nâng lương cho người lao động trên cơ sở mức độ cống hiến và thời gian công tác của từng cá nhân.

Các chính sách bảo hiểm – chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm phòng ngừa tai nạn rủi ro cũng được ASG đặc biệt quan tâm. Theo đó, Cán bộ nhân viên được hỗ trợ tài chính từ đối tác bảo hiểm đối với những quyền lợi bảo hiểm nội trú và ngoại trú... theo quy định tại mỗi gói bảo hiểm.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác thu hút người tài giỏi, có năng lực và văn hóa phù hợp được ASG đặc biệt coi trọng. Nhân sự được tuyển dụng thông qua hình thức đăng tuyển công khai và được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi chức danh đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng chi tiết, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty. Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn công khai và minh bạch.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ASG hướng tới sự phát triển bền vững tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn lực kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường nhằm đem lại các lợi ích cho khách hàng, cổ đông và nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội.

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

ASG tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Các hoạt động như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường và quản lý chất thải luôn được ASG triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và không để xảy ra bất cứ sai phạm nào. Chất thải rắn, lỏng và chất thải nguy hiểm trong quá trình khai thác hàng hóa, cung cấp dịch vụ đều được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đối tác có chức năng và được Nhà nước cấp phép hoạt động. Nước thải sinh hoạt đều được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải như hệ thống xử lý nước thải BASTAF tại các nhà kho, văn phòng trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tiến hành đầu tư, thay thế các trang thiết bị ít ô nhiễm môi trường như: xe nâng điện, cày tay điện...



Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường

Thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải, tiết kiệm tài nguyên, Công ty đã và đang nghiêm túc thể hiện trách nhiệm xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng thực hiện công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của Cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng. Công tác truyền thông được triển khai rộng rãi vào các ngày lễ về môi trường góp phần giữ gìn môi trường xanh.



Mức tiêu thụ năng lượng và nước trong quá trình vận hành

ASG đặt mục tiêu tối ưu hoá việc sử dụng nhiên liệu, năng lượng và tiêu thụ nước trong quá trình vận hành của toàn Tập đoàn nhằm hướng tới việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



Các hoạt động từ thiện

Trong hoàn cảnh dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn ASG vẫn cố gắng triển khai những hoạt động thiết thực trong khả năng để thể hiện trách nhiệm cộng đồng. Hưởng ứng Thông điệp của Chính phủ, Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội kêu gọi sự đồng lòng, ủng hộ và chung tay của nhân dân, cán bộ, chiến sỹ, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng góp kinh phí cho công tác phòng chống dịch, Công ty đã ngay lập tức thực hiện ủng hộ Quỹ phòng chống dịch Covid-19. Ngoài TP. Hà Nội, ASG cũng thể hiện trách nhiệm cộng đồng tại các địa phương có hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc đồng thời triển khai đóng góp ủng hộ chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch.





CHƯƠNG IV BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị
2. Kế hoạch phát triển năm 2022



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa, giãn cách kéo dài đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế và đời sống của người dân. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện chủ trương, định hướng nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện có hiệu quả phương châm “không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả”. Triển khai các phương án tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với các cấp độ dịch; vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng trên cơ sở đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBNV.

Công ty áp dụng các biện pháp phát triển kinh doanh nhằm mở rộng dịch vụ bằng việc thúc đẩy tăng trưởng thông qua gia tăng đầu tư, cung cấp đa dạng dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như mở rộng thêm hệ thống kho bãi phục vụ hàng hóa hàng không tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh.

Mặc dù chịu ảnh hưởng không nhỏ từ đợt bùng phát của làn sóng Covid-19 lần thứ tư, nhưng nhờ sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên đã nỗ lực thực hiện kịp thời các giải pháp ứng phó với dịch bệnh và biến động của thị trường, thực hiện công tác phòng chống dịch, giữ an toàn cho Công ty và hỗ trợ tối đa các đối tác, khách hàng. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 mặc dù chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra nhưng đây là kết quả rất đáng trân trọng mà tập thể cán bộ nhân viên đã phải nỗ lực rất lớn để đạt được trong hoàn cảnh đại dịch Covid-19 đang để lại quá nhiều hệ lụy cho nền kinh tế trong nước và thế giới.



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Công ty đã phát hành 12.608.927 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 756.538.910.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Phát hành

12.608.927 cổ phiếu

Tăng vốn điều lệ lên

756.538.910.000 đồng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2021

Tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào khai thác Kho hàng hóa chất với diện tích 5.742 m², được vận hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh (ASGBN), thuộc Khu dịch vụ logistics ASG tại Bắc Ninh có quy mô 28.166 m² trong KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Kho hàng hóa chất của ASG là một trong những kho hàng hóa chất có quy mô lớn nhất ở Miền Bắc được đầu tư hạ tầng, trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn Quốc gia QCVN 05A:2020/BCT đáp ứng yêu cầu cao của đối tác, khách hàng trong nước, các công ty FDI trong việc lưu trữ và bảo quản hàng hóa chất nguy hiểm.

Các trang thiết bị kho hóa chất bao gồm: Hệ thống PCCC hiện đại Hochiki – Nhật Bản; Hệ thống chiếu sáng đèn Led chống cháy nổ đạt chuẩn châu Âu ATEX với công suất 150W và quang thông lên đến 15300lx; Hệ thống xử lý sự cố hóa chất tiêu chuẩn được bố trí quanh kho; Hệ thống CCTV với 51 đầu camera hồng ngoại 2MP chuẩn nén H.265 giám sát mọi vị trí trọng yếu và các hoạt động diễn ra trong kho 24/7; Hệ thống Racking và các phương tiện lấy hàng hiện đại thân thiện với môi trường bao gồm các loại xe chạy điện: xe Reach Truck; Xe nâng hàng của các thương hiệu tên tuổi Mitsubishi, Komatsu...



Tháng 4/2021

đưa vào khai thác Kho hàng hóa chất

5.742 m²

Bên cạnh việc đầu tư hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, ASG còn chú trọng đầu tư, phát triển con người, trang bị các công cụ dụng cụ cần thiết theo con người đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể: Đào tạo 100% Cán bộ quản lý và nhân viên vận hành hóa chất về Kỹ thuật an toàn hóa chất theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP; Phát triển Hệ thống quản lý HSSE (Sức khỏe, an toàn, an ninh và môi trường) tương thích với các yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn ISO 45001, OHSAS 18001; Đầu tư trang bị giải pháp phần mềm CNTT quản trị kho hàng hiện đại và chuyên nghiệp (WMS) đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ đa dạng cho khách hàng.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trải qua một năm kinh doanh với nhiều thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc cũng báo cáo, đánh giá xác thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp định kỳ mỗi quý để báo cáo Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định nhằm phát huy chất lượng của các dịch vụ mang lại nguồn doanh thu cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc không chỉ đề ra mà còn thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động. Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, Công ty được đánh giá hoạt động hiệu quả, tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình, công tác quản trị điều hành được thực hiện theo những thông lệ tốt nhất, đảm bảo được quyền lợi của cổ đông, người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, minh bạch, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện vai trò của Tập đoàn, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị, chiến lược, tài chính và đầu tư cũng như hỗ trợ toàn diện các Công ty con trong hệ thống như pháp lý, quản trị nội bộ, quản lý dự án, công nghệ thông tin...tạo điều kiện tốt nhất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con.

Thực hiện vai trò giám sát, chỉ đạo sát sao đối với Ban Tổng Giám đốc trong tất cả các mặt hoạt động của Công ty để vượt qua khó khăn, giữ vững sự ổn định, tạo động lực phát triển, đồng thời hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Phối hợp chặt chẽ và đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp quản trị đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời có hiệu quả để đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra.

Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo nguồn tài chính của Công ty an toàn và hiệu quả.

Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tích cực hỗ trợ và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Tăng cường sự kết nối, chia sẻ và hợp lực giữa các công ty thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Thực hiện các biện pháp huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG

Công ty tổ chức bộ máy khoa học và tinh gọn, chú trọng công tác cán bộ, thường xuyên đánh giá, bồi dưỡng để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và ổn định. Bên cạnh đó Công ty không ngừng hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao.

Hàng năm, Công ty có chế độ xem xét nâng lương và thu nhập cho Người lao động nhằm đãi ngộ xứng đáng với sự cống hiến và gắn bó với Công ty đồng thời xây dựng và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp văn minh, chuyên nghiệp tạo môi trường làm việc công bằng, hỗ trợ sự phát triển năng lực của cán bộ nhân viên.

Công ty thực hiện chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ nhân viên: Tổ chức các điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo việc làm, cải thiện thu nhập, chú trọng công tác đào tạo, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và xây dựng các chế độ phúc lợi tốt, tạo điều kiện, hỗ trợ cho các đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, thường xuyên quan tâm, thăm hỏi kịp thời đối với từng hoàn cảnh của cán bộ nhân viên Công ty.

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ, XÃ HỘI

Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn cơ sở trong việc chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, đặc biệt là đối với những gia đình cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh đó Công ty cũng tham gia các hoạt động ủng hộ góp phần chung tay với cả nước trong chiến dịch đẩy lùi Covid-19. Trong năm 2021, ASG và các Công ty thành viên thuộc Tập đoàn đã tích cực ủng hộ các địa phương cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

1. Về công tác tổ chức và quản trị nội bộ:

Tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Tăng cường công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động điều hành, phù hợp với quy định của pháp luật và các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt.

Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác cải tiến và tối ưu hóa là tiêu chí xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tạo môi trường làm việc thân thiện, xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng và có kế thừa các giá trị truyền thống.

Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng và minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền trách nhiệm với quyền lợi.

2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp như kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất lao động nhằm hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nỗ lực cao nhất hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022.

Nghiên cứu và thực hiện các dự án đầu tư, tạo nguồn đầu tư phát triển trung, dài hạn.

Tích cực hỗ trợ và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Đặc biệt đối với các dự án lớn đang triển khai tại các Công ty con như dự án “đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp CN2, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn” do Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG (ASGI) làm chủ đầu tư. Tăng cường sự kết nối, chia sẻ và hợp lực giữa các công ty thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

3. Về hoạt động tài chính:

Đảm bảo năng lực tài chính vững mạnh, an toàn; nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.

Thực hiện các biện pháp huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





CHƯƠNG V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021
2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021
3. Các giao dịch, lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG DƯƠNG ĐỨC TÍNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kinh nghiệm: 29 năm (trong đó có 15 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG.



ÔNG PHẠM VĂN HÀ

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Kinh nghiệm: 20 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Logistics ASG
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH ALS thành phố Hồ Chí Minh
- Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Giao nhận A Plus
- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ ASGU
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải ASG
- Chủ tịch HĐQT CTCP Logistics AGH.



BÀ BÙI THỊ LỆ HẰNG

Thành viên HĐQT

Kinh nghiệm: 29 năm (trong đó có 27 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc CTCP Logistics Hàng không
- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP ALS Đông Hà Nội
- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Nhà ga hàng hóa ALS
- Chủ tịch HĐQT CTCP Logistics ASG.



BÀ TRẦN THỊ BÍCH NGỌC

Thành viên độc lập HĐQT

Kinh nghiệm: 16 năm (trong đó có 4 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Phòng Quản lý Tài sản - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ NHTMCP Công thương Việt Nam.



ÔNG LÝ LÂM DUY

Thành viên HĐQT không điều hành

Kinh nghiệm: 16 năm (trong đó có 5 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không
- Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Logistics ASG
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG



ÔNG TRƯƠNG MINH HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Kinh nghiệm: 14 năm (trong đó có 9 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Sân Bay Phía Nam.



ÔNG PHẠM VĂN HÀ

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc



BÀ NGUYỄN THỊ LÊ HẰNG

Kế toán trưởng

Kinh nghiệm: 36 năm (trong đó có 27 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Trưởng BKS CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
- Trưởng BKS CTCP Logistics ASG
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không
- KSV Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG PHẠM XUÂN PHƯƠNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Kinh nghiệm: 29 năm (trong đó có 14 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên BKS – CTCP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.



ÔNG NGUYỄN QUANG ĐẠT

Thành viên

Kinh nghiệm: 20 năm

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không



BÀ TRẦN THỊ NHƯỜNG

Thành viên

Kinh nghiệm: 12 năm (trong đó 8 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không)

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật học

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên BKS CTCP Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn
- Thành viên BKS CTCP Giao nhận A Plus.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG gồm **05 thành viên: 01** Chủ tịch và **04** thành viên.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ cụ thể của các thành viên như sau:

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đang nắm giữ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Dương Đức Tính	Chủ tịch HĐQT	0	23/23	100%	1.838.930	2,43%
2	Phạm Văn Hà	Thành viên HĐQT	5	23/23	100%	176.289	0,23%
3	Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	3	23/23	100%	0	0%
4	Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT	3	23/23	100%	0	0%
5	Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	0	23/23	100%	0	0%

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp tập trung, 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền và triển khai các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát tình hình thực tế để kịp thời đưa ra các quyết sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	01/2021/NQ - HĐQT/ASG	20/01/2021	Miễn nhiệm Phó Giám đốc phụ trách và bổ nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh	100 %
2	02/2021/NQ - HĐQT/ASG	01/03/2021	Thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, bổ nhiệm Phó trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động	100 %
3	03/2021/NQ - HĐQT/ASG	01/03/2021	Thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội; Chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Thái Nguyên; Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ logistics tại Bắc Ninh	100 %

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
4	04/2021/NQ - HĐQT/ASG	08/03/2021	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên	100 %
5	05/2021/NQ - HĐQT/ASG	18/03/2021	Phê duyệt chủ trương chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CIA sang Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG để tăng vốn điều lệ; sửa đổi điều lệ Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG và thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG	100 %
6	06/2021/NQ - HĐQT/ASG	26/03/2021	Phê duyệt chủ trương vay vốn từ Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	100 %
7	07/2021/NQ - HĐQT/ASG	31/03/2021	Thông qua việc triệu tập và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100 %
8	08/2021/NQ - HĐQT/ASG	15/04/2021	Chuyển cổ phiếu ASG đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang giao dịch tạm thời tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thay đổi Người phụ trách quản trị Công ty	100 %
9	09/2021/NQ - HĐQT/ASG	18/04/2021	Thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện quản lý vốn tại ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay quốc tế Cam Ranh, Công ty cổ phần Logistics ASG	100 %
10	10/2021/NQ - HĐQT/ASG	06/05/2021	Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị; Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin; Điều chỉnh lương đối với Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách và các cán bộ quản lý	100 %
11	11/2021/NQ - HĐQT/ASG	20/05/2021	Miễn nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Thái Nguyên	100 %
12	12/2021/NQ - HĐQT/ASG	24/05/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng thực hiện gói thầu “Cung cấp, thi công hệ thống kệ để pallet”	100 %
13	13/2021/NQ - HĐQT/ASG	08/06/2021	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2020	100 %
14	14/2021/NQ - HĐQT/ASG	18/06/2021	Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty ASGA, chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CIA sang Công ty ASGA để tăng vốn điều lệ; phê duyệt cho Công ty ASGA mua phần vốn góp tại doanh nghiệp khác và thông qua nội dung vay vốn từ doanh nghiệp khác	100 %

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
15	15/2021/NQ-HĐQT/ASG	24/06/2021	Chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phần	100 %
16	16/2021/NQ-HĐQT/ASG	30/06/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 03 năm (2021 – 2023) của Công ty; Chuyển lợi nhuận năm 2020 từ Công ty ASGI về Công ty mẹ; Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy trình kiểm toán nội bộ và phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 tại Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG; Phê duyệt chủ trương thay đổi bộ nhận diện thương hiệu của Công ty	100 %
	17/2021/NQ-HĐQT/ASG	14/07/2021	Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan; Thông qua kết quả phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2020; Đăng ký thay đổi vốn điều lệ và thực hiện sửa đổi điều lệ Công ty; Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; Đăng ký niêm yết và giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở GDCK Hà Nội	100 %
18	18/2021/NQ-HĐQT/ASG	20/07/2021	Bổ nhiệm Trưởng Ban Quản trị	100 %
19	19/2021/NQ-HĐQT/ASG	11/08/2021	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG – Chi nhánh Bắc Ninh	100 %
20	20/2021/NQ-HĐQT/ASG	25/08/2021	Thông qua ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung. Thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp tại Công ty ASGI	100 %
21	21/2021/NQ-HĐQT/ASG	17/09/2021	Phê duyệt phương án vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	100 %
22	22/2021/NQ-HĐQT/ASG	05/10/2021	Thông qua nội dung xin ý kiến của Người đại diện QLV tại Công ty ASGL và phê duyệt chủ trương ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty ASGL	100 %
23	23/2021/NQ-HĐQT/ASG	18/11/2021	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 tại Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG	100 %

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2021

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty có **03 thành viên**: **01** Trưởng Ban và **02** thành viên.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần, chứng khoán khác, cụ thể như sau:

STT	Ban kiểm soát	Chức danh	Tham gia điều hành	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Phạm Xuân Phương	Trưởng ban	Không tham gia điều hành	11.526	0,02
2	Nguyễn Quang Đạt	Thành viên	Không tham gia điều hành	1.000	0,00
3	Trần Thị Nhường	Thành viên	Không tham gia điều hành	10.996	0,01

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG; Căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2021 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT, chấp hành các quy chế, quy định và các chế độ chính sách của Nhà nước. Đặc biệt là chế độ chính sách về tài chính kế toán.

Thẩm định báo cáo tài chính, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

CÁC GIAO DỊCH, LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD, KTT	3.301	0	948	4.249

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy SH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ /HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	Công ty con	0107372515	Khu dịch vụ Logistic, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	15/07/2021	QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng cho thuê văn phòng: Giá trị: 9.163.000 VNĐ/ tháng
2	Công ty cổ phần Logistics ASG	Công ty con	4601126886 cấp lần đầu ngày 18/04/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5-Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	15/06/2021	QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng cho thuê văn phòng Giá trị: 46.189.000 VNĐ/tháng
					01/09/2021	QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng cho thuê kho Giá trị: 147.114.000 VNĐ/tháng
						QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng hợp tác kinh doanh Giá trị dự kiến: 380 tỷ VNĐ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy SH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ /HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
3	Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển khu công nghiệp ASG	Công ty con	461543128 cấp lần đầu ngày 09/08/2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	31/03/2021	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT/ASG ngày 26/03/2021	Hợp đồng vay vốn Giá trị: 35 tỷ VNĐ
					15/11/2021	QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng vay vốn Giá trị: 20 tỷ VNĐ
4	Công ty TNHH Vận Tải ASG	Công ty con	4601547193 cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2019 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên	Lô số 5-Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, Thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	15/06/2021	QĐ số 24/2021/QĐ-CTHĐQT/ASG ngày 15/06/2021	Hợp đồng cho thuê văn phòng Giá trị: 57.222.000 VNĐ/tháng

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế, quy định có liên quan nhằm đảm bảo công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.





CHƯƠNG VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021 ĐÃ KIỂM TOÁN



Báo cáo tài chính hợp nhất
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(Đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-60

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 ngày 22/10/2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Dương Đức Tính	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hà	Thành viên
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trương Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Xuân Phương	Trưởng Ban	
Bà Trần Thị Nhưường	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2021
Bà Hoàng Thị Thành	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp

không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban lãnh đạo



Dương Đức Tính
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 250322.042/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 11(i) của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả: Dự án Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Giai đoạn 2 đã hoàn thành vào tháng 09 năm 2018 và vẫn đang trong quá trình xin cấp phép đưa vào sử dụng nên chưa ghi nhận sang tài sản cố định hữu hình trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Phạm Ngọc Thắng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4999-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2021	
			31/12/2021	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		631.170.606.581	1.093.560.362.473
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	137.335.598.773	367.600.627.050
111	1. Tiền		79.885.648.786	101.741.184.011
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.449.949.987	265.859.443.039
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	157.766.513.079	439.136.444.763
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.816.843.307	162.567.484.193
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(5.980.662.970)	(8.044.862.970)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		18.930.332.742	284.613.823.540
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		301.046.404.409	262.399.107.318
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	144.122.202.065	103.037.847.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.516.294.615	5.902.567.359
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	132.620.000.000	138.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	28.013.423.590	19.129.342.906
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.225.515.861)	(4.170.650.549)
140	IV. Hàng tồn kho		14.073.821.238	9.006.715.540
141	1. Hàng tồn kho	9	14.073.821.238	9.006.715.540
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.948.269.082	15.417.467.802
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	14.343.084.191	6.675.564.259
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.375.398.738	8.553.259.633
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	229.786.153	188.643.910
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.508.897.837.067	912.345.417.464
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		288.566.210	69.050.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	288.566.210	69.050.000
220	II. Tài sản cố định		335.933.817.241	342.287.447.310
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	335.262.918.712	341.407.486.237
222	- Nguyên giá		596.070.781.234	548.273.126.401
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(260.807.862.522)	(206.865.640.164)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	670.898.529	879.961.073
228	- Nguyên giá		1.999.613.332	1.893.132.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.328.714.803)	(1.013.170.927)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		23.712.847.636	41.005.765.423
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	23.712.847.636	41.005.765.423
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	936.637.555.449	359.192.591.039
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		434.103.257.341	123.553.265.589
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		462.534.298.108	235.439.325.450
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		40.000.000.000	200.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		212.325.050.531	169.790.563.692
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	95.933.176.699	101.199.471.659
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	19.386.130.520	2.149.024.210
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.119.500.000	1.119.500.000
269	4. Lợi thế thương mại	12	95.886.243.312	65.322.567.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.140.068.443.648	2.005.905.779.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2021	
			31/12/2021	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		759.187.148.723	676.178.311.584
310	I. Nợ ngắn hạn		414.908.934.216	338.067.322.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	81.197.427.929	61.427.101.190
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		81.893.153	76.575.888
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.702.775.140	11.422.413.828
314	4. Phải trả người lao động		20.573.323.742	21.173.336.047
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.049.862.432	10.357.213.052
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		97.149.900	90.054.900
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.601.665.283	14.693.126.037
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	286.107.561.276	214.799.948.850
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.497.275.361	4.027.553.186
330	II. Nợ dài hạn		344.278.214.507	338.110.988.606
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	30.000.000	30.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	320.228.130.911	332.070.254.391
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	24.020.083.596	6.010.734.215
400	D. NGUỒN VỐN		1.380.881.294.925	1.329.727.468.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.380.881.294.925	1.329.727.468.353
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		756.538.910.000	630.449.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		756.538.910.000	630.449.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		68.155.162.741	68.173.435.093
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.731.715.025	5.731.715.025
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		526.424.826	526.424.826
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		254.955.313.197	320.809.310.211
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		194.889.514.674	233.508.608.044
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		60.065.798.523	87.300.702.167
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		294.973.769.136	304.036.943.198
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.140.068.443.648	2.005.905.779.937

Trần Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Lê Hằng
Kế toán trưởng

Dương Đức Tính
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	
			Năm 2021 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	722.200.202.004	688.906.778.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	20.000	807.637.293
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	722.200.182.004	688.099.141.530
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23	541.445.775.647	508.768.280.067
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.754.406.357	179.330.861.463
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	30.363.563.594	27.378.407.303
22	7. Chi phí tài chính	25	44.037.687.809	32.010.004.005
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		44.178.734.702	22.659.399.601
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		887.837.613	(67.623.108)
25	9. Chi phí bán hàng	26	5.157.685.533	8.064.954.136
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	103.629.284.816	91.783.678.590
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.181.149.406	74.783.008.927
31	12. Thu nhập khác	28	367.524.967	6.004.608.723
32	13. Chi phí khác	29	102.921.017	439.268.688
40	14. Lợi nhuận khác		264.603.950	5.565.340.035
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.445.753.356	80.348.348.962
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	23.705.086.305	14.050.211.419
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	796.204.848	2.373.380.757
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		34.944.462.203	63.924.756.786
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		60.065.798.523	87.300.702.167
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(25.121.336.320)	(23.375.945.381)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	794	1.213

Trần Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Lê Hằng
Kế toán trưởng

Dương Đức Tính
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	
			Năm 2021 VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		59.445.753.356	80.348.348.962
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		67.438.285.046	63.641.484.281
03	Các khoản dự phòng		3.990.665.312	12.052.241.476
04	Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.230.016	23.837.045
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(20.891.120.878)	(30.891.825.295)
06	Chi phí lãi vay		44.178.734.702	22.659.399.601
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		154.163.547.554	147.833.486.070
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(44.340.114.082)	20.331.809.353
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(5.067.105.698)	913.416.252
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		16.097.061.078	(9.084.990)
12	Giảm chi phí trả trước		14.785.124	8.820.148.302
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		17.750.640.886	(15.728.141.984)
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.389.470.325)	(22.201.476.892)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.285.441.887)	(16.284.389.726)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.200.067.573)	(4.471.364.510)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		70.743.835.077	119.204.401.875
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.659.106.919)	(44.556.364.087)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(16.571.481.860)	(275.033.024.068)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		88.440.000.000	303.222.245.689
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(396.086.958.182)	(410.227.705.041)
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.407.884.553	23.495.454.378
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(332.469.662.408)	(403.099.393.129)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.050.000.000	130.917.028.796
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		(11.894.511.023)	(7.870.046.050)
33	3. Tiền thu từ đi vay		457.706.633.273	591.935.262.798
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(400.687.250.703)	(235.487.262.551)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.713.596.708)	(77.123.245.591)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		31.461.274.839	402.371.737.402
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(230.264.552.492)	118.476.746.148
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		367.600.627.050	249.147.381.569
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(475.785)	(23.500.667)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	137.335.598.773	367.600.627.050



Trần Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Lê Hằng
Kế toán trưởng

Dương Đức Tính
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 ngày 22 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu dịch vụ Logistics, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 756.538.910.000 VND, tương đương 75.653.891 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.122 người, trong đó tại Công ty mẹ là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1.120 người, trong đó tại Công ty mẹ là 174 người).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là ASG từ ngày 17/07/2020 và bắt đầu giao dịch từ ngày 24/09/2020. Cổ phiếu của Công ty được chuyển sang giao dịch tạm thời tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 15/04/2021. Ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 07/05/2021. Ngày 27/09/2021, cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trở lại tại HOSE theo Thông báo số 2884/TB-SGDHN ngày 15/09/2021 của HNX và Thông báo số 1675/TB-SGDHCM ngày 20/09/2021 của HOSE.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính

- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không;
- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giao nhận hàng hóa; hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa, dịch vụ vận chuyển mặt đất; kinh doanh dịch vụ logistics;
- ▶ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ▶ Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ; bốc xếp hàng hóa cảng hàng không;
- ▶ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

STT	Tên Công ty Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
			trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp
1	Công ty Cổ phần Logistics ASG Lô số 5 – Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	99,93%	0,00%	99,93%	0,00%	99,93%	0,00%	99,93%	0,00%	99,93%	0,00%	99,93%	0,00%
2	Công ty TNHH Hạ táng và Phát triển Khu công nghiệp ASG Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Đầu tư kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; Dịch vụ khai thác khu bay; Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; Dịch vụ kỹ thuật hàng không	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%

12

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
			trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp	trực tiếp	gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa Cam Ranh	Bán hàng miễn thuế, mỹ nghệ, lưu niệm; phục vụ khách hàng thương gia tại phòng khách hạng thương gia; bán hàng ăn uống; đưa đón khách sân bay	0,00%	0,00%	55,37%	55,43%	55,37%	55,43%	55,37%	55,43%	55,37%	55,43%	55,37%	55,43%
5	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	0,00%	0,00%	97,97%	98,04%	97,97%	98,04%	97,97%	98,04%	97,97%	98,04%	97,97%	98,04%
6	Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh Toà nhà Hải Âu, số 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa hàng không, dịch vụ kho vận và các dịch vụ logistics	0,00%	0,00%	59,96%	60,00%	59,96%	60,00%	59,96%	60,00%	59,96%	60,00%	59,96%	60,00%
7	Công ty TNHH Vận tải ASG Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, đường sắt, đường thủy, tiện vận tải; vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ	0,00%	0,00%	99,93%	100,00%	99,93%	100,00%	99,93%	100,00%	99,93%	100,00%	99,93%	100,00%

13

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết và gián tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp	Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; bốc xếp hàng hóa (ngoại trừ cung cấp dịch vụ tại Sân Bay); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	0,50%	0,50%	50,47%	50,50%	50,97%	51,00%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
9	Công ty Cổ phần giao nhận A PLUS	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; bốc xếp hàng hóa (ngoại trừ cung cấp dịch vụ tại Sân Bay); chuyển phát	0,00%	0,00%	59,96%	60,00%	59,96%	60,00%	Công ty Cổ phần Logistics ASG
10	Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất hàng không	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	0,00%	0,00%	41,53%	75,00%	41,53%	75,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
11	Công ty TNHH Nhà ga Hàng hoá Cam Ranh	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hoá	0,00%	0,00%	55,37%	100,00%	55,37%	100,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
12	Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ thương mại hàng không	0,00%	0,00%	55,37%	100,00%	55,37%	100,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm (tiếp):

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết và gián tiếp	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp	Công ty đầu tư gián tiếp của công ty mẹ vào công ty con
13	Công ty Cổ phần Miễn thuế Cửa khẩu Quốc tế IDF	Số 027, tổ 2, đường Hưng Hòa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Dịch vụ thương mại và bán hàng miễn thuế	0,00%	0,00%	35,99%	65,00%	35,99%	65,00%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
14	Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	74,50%	74,50%	0,00%	0,00%	74,50%	74,50%	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh
15	Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	Công số 2, ngõ 86, đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	0,00%	0,00%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, trái phiếu, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời

điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quý của công ty liên kết được ghi nhận vào các quý. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau khi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền; ngoại trừ giá trị hàng thực phẩm được xác định bằng phương pháp nhập trước xuất trước và một số loại hàng tồn kho nhận diện được xác định bằng phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 30 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▶ Cây lâu năm	05 năm
▶ TSCĐ hữu hình khác	05 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê đất, thuế đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trong thời gian triển khai thực hiện dự án. Chi phí chuẩn bị mặt bằng bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình chuẩn bị mặt bằng thực hiện dự án được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Tiền thuê đất, thuế đất trả trước và chi phí chuẩn bị mặt bằng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian kể từ khi đưa dự án vào hoạt động đến hết thời gian thuê của các dự án nói trên.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước liên quan tới số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- ▶ Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- ▶ Chi phí đi vay vốn;
- ▶ Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- ▶ Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 2058632843 ngày 12/07/2016, thu nhập từ dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Logistics" tại chi nhánh Thái Nguyên được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Dự án đầu tư có thu nhập chịu thuế từ năm 2016. Tuy nhiên, Công ty lựa chọn áp dụng thời gian miễn giảm được tính liên tục từ năm 2017 (căn cứ theo khoản 5, Điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bởi Điều 14, Thông tư 96/2015/TT-BTC).

Ngày 15/07/2020, Chi nhánh Thái Nguyên đã hoàn tất chuyển nhượng dự án này cho Công ty TNHH Vận tải ASG (Công ty con của Công ty). Theo đó, đối với các thu nhập từ Dự án, Công ty TNHH Vận tải ASG được hưởng ưu đãi thuế theo thời gian còn lại của Dự án (là giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2020 đến năm 2022).

Theo GCNĐT lần đầu số 8547475288 ngày 18/01/2017, thu nhập từ dự án "Đầu tư xây dựng khu Dịch vụ Logistics tại Bắc Ninh", Chi nhánh Bắc Ninh được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Dự án đầu tư phát sinh doanh thu từ năm 2017. Tuy nhiên, Công ty lựa chọn áp dụng thời gian miễn giảm được tính liên tục từ năm 2018. Năm 2020, dự án bắt đầu có thu nhập chịu thuế và bắt đầu hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2020.

Theo GCNĐT số 172041000066 (thay đổi lần 2 ngày 17/11/2015) và theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, thu nhập từ dự án "Xây dựng kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên" của Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo theo địa bàn đầu tư. Năm 2014, Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, tuy nhiên Công ty lựa chọn thời gian miễn giảm tính liên tục từ năm 2015.

Theo GCNĐT lần đầu số 0252117134 ngày 15/11/2018, thu nhập từ dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Vận tải Liên Hợp" của Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU (Công ty con của Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế suất theo địa bàn và lĩnh vực đầu tư; thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ được miễn thuế TNDN trong 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- ▶ Miễn thuế đối với các hoạt động phát sinh tại Chi nhánh Bắc Ninh của Công ty mẹ.
- ▶ Thuế suất 17% đối với các hoạt động vận tải có điểm đi, điểm đến tại Thái Nguyên tại Công ty TNHH Vận tải ASG (ASGT) theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án "Đầu tư Cung cấp Dịch vụ Logistics" (Ngày 01/06/2020, ASGT nhận chuyển nhượng dự án từ Chi nhánh Thái Nguyên của Công ty mẹ. Theo đó, ASGT được hưởng ưu đãi thuế theo thời gian còn lại của dự án).
- ▶ Thuế suất 17% đối với các hoạt động có doanh thu phát sinh trên địa bàn được ưu đãi và hoạt động vận tải có điểm đầu hoặc/ và điểm cuối trên địa bàn được ưu đãi tại Công ty Cổ phần Logistics ASG.
- ▶ Thuế suất 20% đối với hoạt động không được ưu đãi thuế suất tại Công ty mẹ và các công ty con khác.

2.25 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cùng cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. Hợp nhất kinh doanh và chuyển nhượng cổ phần

3.1 Hoàn thành kế toán tạm thời giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam (ASL)

Vào tháng 11/2020, Công ty đã hoàn tất mua 74,5% phần vốn góp của Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam (ASL), một Công ty TNHH được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108895483 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/09/2019 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Hiện tại hoạt động kinh doanh chủ yếu của ASL là đầu tư, góp vốn vào các đơn vị trong lĩnh vực logistics hàng không.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của ASL tại ngày mua, và áp dụng kế toán tạm thời để hợp nhất ASL. Trong năm 2021, Tập đoàn đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của ASL tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đó, được điều chỉnh hồi tố như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
 Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh,
 huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị hợp lý xác định tạm thời tại ngày mua VND	Điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh VND
Tài sản			
Tiền và tương đương tiền	7.430.294.959	-	7.430.294.959
Đầu tư tài chính ngắn hạn	276.904.450.300	11.455.516.652	288.359.966.952
Các khoản phải thu ngắn hạn	549.419.145	-	549.419.145
Đầu tư tài chính dài hạn	163.737.600.000	(1.998.274.550)	161.739.325.450
	448.621.764.404	9.457.242.102	458.079.006.506
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.072.852	-	33.072.852
Vay ngắn hạn	13.379.310.000	-	13.379.310.000
Thuế hoãn lại phải trả (tương ứng các điều chỉnh giá trị hợp lý)	-	1.891.448.420	1.891.448.420
	13.412.382.852	1.891.448.420	15.303.831.272
Tổng giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý	435.209.381.552	7.565.793.682	442.775.175.234
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	110.978.392.296	1.929.277.389	112.907.669.685
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty	324.230.989.256	5.636.516.293	329.867.505.549
Tổng giá phí của khoản đầu tư	324.075.000.000	-	324.075.000.000
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 28)	155.989.256	5.636.516.293	5.792.505.549
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua Công ty con			
Tiền thu về từ Công ty con	7.430.294.959	-	7.430.294.959
Tiền chi để mua Công ty con	(324.075.000.000)	-	(324.075.000.000)
Tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(316.644.705.041)	-	(316.644.705.041)

3.2 Mua Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang (HGT)

Vào tháng 6/2021, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (Công ty con của Công ty) đã hoàn tất mua 60% phần vốn góp của Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang (HGT), một Công ty TNHH được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308945734 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/06/2009 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Hiện tại hoạt động kinh doanh chủ yếu của HGT là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của HGT vào ngày hợp nhất kinh doanh, lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

	<i>Giá trị hợp lý xác định tạm thời tại ngày mua VND</i>
Tài sản	
Tiền và tương đương tiền	1.570.196.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	72.770.552.100
Tài sản ngắn hạn khác	4.944.829.529
	79.285.577.714
Nợ phải trả	
Nợ phải trả ngắn hạn	1.584.663.986
	1.584.663.986
Tổng giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý	77.700.913.728
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	31.080.365.491
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn	46.620.548.237
Tổng giá phí của khoản đầu tư này	87.995.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 12)	41.374.451.763
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua Công ty con	
Tiền thu về từ Công ty con	1.570.196.085
Tiền chi để mua Công ty con	(87.995.000.000)
Tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(86.424.803.915)

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Tập đoàn đang tiến hành xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của HGT. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG (ASGA) bằng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS)

Ngày 30/09/2021, Công ty mẹ đã hoàn thành thủ tục góp thêm vốn điều lệ vào ASGA bằng toàn bộ 9.623.152 cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh (CIAS). Sau giao dịch này, ASGA nắm giữ 9.623.152 cổ phần CIAS, tương đương tỷ lệ sở hữu 52,35% vốn chủ sở hữu của CIAS. Do đó, CIAS từ Công ty con trực tiếp trở thành Công ty con gián tiếp.

4. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	15.985.484.374	18.866.452.255
Tiền gửi ngân hàng	63.900.164.412	82.874.731.756
Các khoản tương đương tiền (*)	57.449.949.987	265.859.443.039
	137.335.598.773	367.600.627.050

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 3% đến 3,8%/năm.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Đầu tư ngắn hạn	18.930.332.742	284.613.823.540
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	18.930.332.742	57.518.850.882
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ii)	-	227.094.972.658
Đầu tư dài hạn	40.000.000.000	200.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	200.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (iii)	40.000.000.000	-
	58.930.332.742	284.813.823.540

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2,0% đến 6,2%/năm.

(ii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 03 năm (phát hành ngày 29/12/2017), số lượng 273.959, mệnh giá 100.000 VND. Lãi suất 4%/năm, tiền lãi trả sau định kỳ 06 tháng/lần. Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu là 01 trái phiếu = 10 cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn. Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển đổi lô trái phiếu này thành 2.739.590 cổ phần Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (Chi tiết xem mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" Thuyết minh này).

(iii) Trái phiếu kỳ hạn 02 năm (phát hành ngày 16/07/2021), số lượng 400.000, mệnh giá 100.000 VND. Lãi suất 6,5%/năm, tiền lãi trả sau định kỳ 03 tháng/lần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (*)	37.500.000.000	-	-	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (i)	83.706.458.044	79.881.470.200	(4.681.013.750)	83.706.458.044
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (ii)	13.176.131.043	17.933.574.000	-	30.906.721.929
Công ty Cổ phần dịch vụ HK Sân Bay Đà Nẵng (iii)	10.432.249.220	9.132.600.000	(1.299.649.220)	10.432.249.220
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (iv)	2.005.000	3.200.000	-	22.055.000
	144.816.843.307		(5.980.662.970)	162.567.484.193
				(8.044.862.970)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Logistics Hàng không do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Tương ứng với 1.126.678 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là 70.900 VND/cổ phiếu.

(ii) Tương ứng với 218.170 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 tại HOSE là 82.200 VND/cổ phiếu.

(iii) Tương ứng với 196.400 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là 46.500 VND/cổ phiếu.

(iv) Tương ứng với 20 cổ phiếu, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 tại HOSE là 160.000 VND/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn (i)	47,03	48,00	47,03	48,00
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội (ii)	27,13	49,00	26,00	49,00
Công ty Cổ phần Logistics AGH (iii)	47,57	48,00	47,57	48,00
Công ty Cổ phần HANA-DH TLS (iv)	10,19	20,00	10,19	20,00
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh (v)	20,99	21,00	-	-
Công ty Cổ phần VINAFCO (vi)	24,81	24,83	-	-
Công ty CP Jetlink Việt Nam (vii)	20,94	20,95	-	-
			434.103.257.341	123.553.265.589

(i) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn (Công ty con do Công ty nắm giữ 97,97% lợi ích) là 47,03% (Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn tại công ty liên kết là 48%).

(ii) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con do Công ty nắm giữ 55,37% lợi ích) là 27,13% (Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh tại công ty liên kết là 49%).

(iii) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn (do Công ty nắm giữ 97,97% lợi ích) và Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (Công ty con do Công ty nắm giữ 100% lợi ích) là 47,57%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn và Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG tại công ty liên kết lần lượt là 21% và 27%.

(iv) Tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU (Công ty con gián tiếp do Công ty nắm giữ 50,97% lợi ích) là 10,19%. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU tại công ty liên kết là 20%.

(v) Trong năm, Công ty Cổ phần Logistic ASG (Công ty con của Công ty) đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistic Quốc tế Tây Ninh với tổng giá trị là 115.500.000.000 VND, tương đương 11.550.000 cổ phần phổ thông. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại công ty liên kết là 21%.

Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con trực tiếp do Công ty nắm giữ 99,93% lợi ích) là 20,99%.

(vi) Trong năm, Công ty Cổ phần Logistic ASG (Công ty con của Công ty) nhận chuyển nhượng 8.392.492 cổ phần Công ty Cổ phần VINAFCO với tổng giá trị là 182.211.205.176 VND, các chi phí khác phát sinh là 950.949.091 VND. Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại công ty liên kết là 24,83%.

Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Logistics ASG là 24,81%.

(vii) Trong năm, Công ty Cổ phần Logistic ASG (Công ty con của Công ty) đã hoàn tất chuyển đổi khoản vay thành vốn góp tại Công ty CP Jetlink Việt Nam, giá trị vốn góp 11.000.000.000 VND, tương ứng 1.100.000 cổ phần. Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại công ty liên kết là 20,95%.

Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Logistics ASG là 20,94%.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (i)	450.534.298.108	-	223.439.325.450	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Tân Sơn Nhất	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	462.534.298.108	-	235.439.325.450	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào đơn vị khác:

(i) Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam (Công ty con của Công ty) nhận được thêm 2.739.590 cổ phần Công ty Cổ phần Logistics Hàng không do chuyển đổi trái phiếu, với giá gốc đầu tư 218.954.037.380 VND;

Tại 31/12/2021, 1.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Logistics Hàng không do Công ty mẹ nắm giữ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản trái phiếu phát hành (Thuyết minh 19).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Samsung SDS Việt Công ty Cổ phần Logistics Hàng không Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	36.827.028.414	-	25.796.822.381	-
Công ty Cổ phần nhà ga hàng hóa ALS Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Công ty CP Hàng không Pacific Airlines Eastar Jet Co., Ltd Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải GND Việt Nam Các khách hàng khác	7.162.766.519 7.901.908.045 4.095.930.446 4.402.364.731 7.942.879.108 4.826.158.228 4.972.422.447 6.995.224.274 2.432.030.713 56.563.489.140	- - - - - (2.049.782.585) (4.972.422.447) - - - (823.751.607)	7.293.000.000 7.214.868.699 5.849.240.885 2.003.891.211 11.433.460.679 4.537.072.198 5.292.704.422 - 1.893.674.200 31.723.112.927	- - - - - - (1.587.811.327) - - (203.280.000)
	144.122.202.065	(7.845.956.639)	103.037.847.602	(1.791.091.327)
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 37)	15.923.938.211	-	17.010.677.718	-

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Long Thành (i) Công ty CP XNK Hàng hóa và Vận tải thủy Việt Nam (ii) Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Nội Bài (iii) Các đối tượng khác (iv)	23.000.000.000 13.500.000.000 65.000.000.000 31.120.000.000	- - - -	40.000.000.000 13.500.000.000 85.000.000.000 -	- - - -
	132.620.000.000	-	138.500.000.000	-

Thông tin chi tiết các khoản cho vay:

- (i) Hợp đồng cho vay vốn số 01/LTI-CIAS/2020 ngày 26/8/2020 và Phụ lục 2 ngày 26/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành, thời hạn cho vay là 6 tháng từ 26/08/2021, lãi suất cho vay 7%/năm.
- (ii) Hợp đồng cho vay vốn số 01/Vietransimex-CIAS/2019 ngày 06/12/2019, và Phụ lục 04 ngày 06/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng hóa và Vận tải thủy Việt Nam, thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi suất cho vay 7,10%/năm.
- (iii) Hợp đồng cho vay vốn số 01/2020/HĐVV/ASGI -NTS ngày 09/03/2020 và Phụ lục số 02 giữa Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Nội Bài, lãi suất 6,2%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi 2.260.152 cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG.
- (iv) Phải thu về cho vay theo các hợp đồng cho vay ngắn hạn, có thời hạn 6-12 tháng, gia hạn theo các phụ lục, lãi suất từ 4,5%/năm - 7,1%/năm.

8. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	3.969.722.615	-	5.384.475.832	-
Tạm ứng	1.695.441.604	-	1.379.598.665	-
Ký cược, ký quỹ	2.998.413.267	-	2.006.554.915	-
Tiền góp và lãi hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Lào Cai (*)	2.363.250.929	(2.363.250.929)	2.363.250.929	(2.363.250.929)
Phải thu chờ xác nhận khách hàng	4.633.096.355	-	5.582.628.785	-
Các khoản chi hộ	2.982.196.570	-	714.388.800	-
Tiền bán chứng khoán chờ về	1.471.800.000	-	-	-
Phải thu khác	7.899.502.250	-	1.698.444.980	-
	28.013.423.590	(2.363.250.929)	19.129.342.906	(2.363.250.929)
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	288.566.210	-	69.050.000	-
	288.566.210	-	69.050.000	-
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 37)	301.437.883	-	25.555.972	-

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/BCC/XNKLC-CATC ngày 03/08/2018 giữa Công ty TNHH Thương mại Hàng không Cam Ranh (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tỉnh Lào Cai về việc hợp tác kinh doanh hệ thống cửa hàng miễn thuế. Hợp đồng đã chấm dứt từ ngày 15/12/2019.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Hàng mua đi đường	-	83.600.000
Nguyên liệu vật liệu	2.769.731.920	3.180.285.376
Công cụ, dụng cụ	3.383.729.586	2.838.469.958
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	562.766.370	726.314.671
Hàng hóa	7.357.593.362	2.178.045.535
	14.073.821.238	9.006.715.540

10. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.070.317.244	2.171.343.465
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.086.940.972	662.528.054
Chi phí bảo hiểm	1.438.522.865	1.526.240.355
Chi phí bảo hộ lao động, đồng phục nhân viên	23.930.624	41.476.062
Chi phí thuê mặt bằng	6.295.919.209	344.697.508
Các khoản khác	2.427.453.277	1.929.278.815
	14.343.084.191	6.675.564.259
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.462.451.300	926.543.667
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài (i)	10.100.540.281	10.341.503.917
Tiền thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Bắc Ninh (ii)	41.479.965.878	42.712.044.074
Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng tại Thái Nguyên (iii)	37.150.370.768	38.069.555.204
Chi phí cải tạo, sửa chữa	4.716.805.587	7.592.700.297
Chi phí đào tạo bổ túc dài hạn	891.402.502	914.957.916
Các khoản khác	131.640.383	642.166.584
	95.933.176.699	101.199.471.659

- (i) Chi phí đền bù san lấp mặt bằng khu dịch vụ Logistics tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài có thời gian phân bổ là 48 năm 2 tháng kể từ ngày 31/10/2015 căn cứ vào thời gian thuê đất theo quyết định 2175/QĐ-CVMB ngày 06/11/2015 về việc thuê đất tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài để sử dụng cùng công trình đã xây dựng trong vòng 49 năm kể từ ngày 10/12/2014.
- (ii) Tiền thuê cơ sở hạ tầng trên đất trả một lần theo Hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất số 02/2017/BĐS-HĐKT tại Khu công nghiệp Yên Phong giữa Công ty và Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera ngày 09/01/2017. Thời gian thuê là 38 năm 03 tháng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Bắc Ninh của Công ty.
- (iii) Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô số 5, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số N005/2014/YBI-ALST ngày 18/3/2014. Thời gian thuê đất và cơ sở hạ tầng là 49 năm phục vụ cho dự án kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên của Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản	23.712.847.636	41.005.765.423
- Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Giai đoạn 2 (i)	16.899.575.862	16.899.575.862
- Khu dịch vụ Logistics tại Bắc Ninh – Giai đoạn 2	-	20.618.696.022
- Dự án Nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh (ii)	1.706.088.062	1.706.088.062
- Công trình khác	5.107.183.712	1.781.405.477
	23.712.847.636	41.005.765.423

(i) Thông tin chi tiết về dự án:

- Tên Dự án: Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Giai đoạn 2
- Địa điểm xây dựng: Hà Nội
- Mục đích xây dựng: Xây dựng khu dịch vụ logistics hoàn chỉnh phục vụ đầy đủ chuyên cung ứng hàng hóa cho tàu bay và các khách hàng có nhu cầu dịch vụ logistics, khai thác hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2021: bắt đầu triển khai vào tháng 6/2017 đã hoàn thành vào tháng 09/2018 và đang trong quá trình xin cấp phép đưa vào sử dụng.

- (ii) Dự án Nhà ga hàng hóa và khu xử lý hàng hóa bưu kiện tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh đang trong giai đoạn nghiên cứu và chuẩn bị đầu tư.

12. Lợi thế thương mại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	65.322.567.823	74.064.621.509
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	41.374.451.763	-
Phân bổ lợi thế thương mại	10.810.776.274	8.742.053.686
Số dư cuối năm	95.886.243.312	65.322.567.823

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND		Tổng VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2021	168.619.660.207	160.203.772.311	205.408.797.202	13.648.527.407	392.369.274	-	548.273.126.401
Mua mới	39.507.674.004	2.869.779.957	1.080.000.000	4.361.458.837	-	-	47.818.912.798
Hợp nhất kinh doanh Thanh lý	-	123.742.035	(145.000.000)	-	-	-	123.742.035 (145.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	208.127.334.211	163.197.294.303	206.343.797.202	18.009.986.244	392.369.274	-	596.070.781.234
Hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2021	65.773.662.208	49.748.666.376	80.330.932.541	10.658.846.349	353.532.690	-	206.865.640.164
Khấu hao	13.328.682.217	14.117.288.407	24.802.100.584	1.642.943.107	28.724.313	-	53.919.738.628
Hợp nhất kinh doanh Thanh lý	-	123.742.035	(101.258.305)	-	-	-	123.742.035 (101.258.305)
Tại ngày 31/12/2021	79.102.344.425	63.989.696.818	105.031.774.820	12.301.789.456	382.257.003	-	260.807.862.522
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2021	102.845.997.999	110.455.105.935	125.077.864.661	2.989.681.058	38.836.584	-	341.407.486.237
Tại ngày 31/12/2021	129.024.989.786	99.207.597.485	101.312.022.382	5.708.196.788	10.112.271	-	335.262.918.712

▶ Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 317.602.066.672 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 262.207.185.564 VND).

▶ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 13.197.855.372 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.191.140.768 VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**14. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với thông tin cụ thể như sau:

- ▶ Nguyên giá tại 31/12/2021 là 1.999.613.332 VND, trong đó: tại ngày 01/01/2021 là 1.893.132.000 VND, mua trong năm là 106.481.332 VND;
- ▶ Giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2021 là 1.328.714.803 VND, trong đó: tại ngày 01/01/2021 là 1.013.170.927 VND, khấu hao trong năm là 315.543.876 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 423.000.000 VND.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	4.656.431.823	4.656.431.823	7.764.544.391	7.764.544.391
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam	5.075.952.964	5.075.952.964	5.017.738.091	5.017.738.091
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	5.672.167.720	5.672.167.720	5.869.305.404	5.869.305.404
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và Dịch vụ Hàng không	3.445.742.000	3.445.742.000	3.407.242.000	3.407.242.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Dịch vụ Ngôi Sao Xanh	1.456.690.675	1.456.690.675	2.639.707.675	2.639.707.675
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	2.443.015.123	2.443.015.123	966.852.377	966.852.377
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế Kỳ	2.646.062.657	2.646.062.657	1.980.635.762	1.980.635.762
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	2.336.840.159	2.336.840.159	1.270.203.488	1.270.203.488
Phải trả các đối tượng khác	53.464.524.808	53.464.524.808	32.510.872.002	32.510.872.002
	81.197.427.929	81.197.427.929	61.427.101.190	61.427.101.190
	8.938.340.451	8.938.340.451	10.195.293.177	10.195.293.177

Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 37)

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Hợp nhất kinh doanh VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.848.387.605	-	24.793.425.822	24.568.219.243	-
Thuế TNDN	9.933.857	7.562.549.492	(5.914.412)	23.705.086.305	24.285.441.887	49.788.147
Thuế thu nhập cá nhân	178.710.053	1.009.226.731	39.771.986	3.868.517.499	4.308.007.001	179.998.006
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	402.930.382	402.930.382	-
Các loại thuế khác	-	2.250.000	-	94.800.000	94.800.000	-
	188.643.910	11.422.413.828	33.857.574	52.864.760.008	53.659.398.513	229.786.153
						10.702.775.140

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	805.632.044	682.427.941
Lãi trái phiếu thường phải trả	3.177.287.672	3.180.821.918
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	27.677.300	32.001.700
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	27.677.300	32.001.700
Chi phí thuê mặt bằng, thuê cơ sở hạ tầng	7.421.392	278.550.060
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	3.600.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.031.844.024	2.583.411.433
	6.049.862.432	10.357.213.052
Trong đó, chi phí phải trả với bên liên quan (Thuyết minh 37)	1.718.356.164	-

18. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	1.666.060.274	-
Kinh phí công đoàn	1.207.478.780	645.379.689
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	888.594.334	211.040.605
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.076.430.600	1.145.299.600
Cổ tức phải trả cổ đông của Công ty mẹ	76.372.500	1.569.352.500
Cổ tức phải trả cổ đông không kiểm soát của các Công ty con	446.014.650	9.285.969.358
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.240.714.145	1.836.084.285
	7.601.665.283	14.693.126.037
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
	30.000.000	30.000.000
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 37)	9.176.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
 Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

19. Các khoản vay

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn						
Các khoản vay ngắn hạn	172.838.986.083	172.838.986.083	421.662.512.893	364.066.713.452	231.934.785.524	231.934.785.524
MBbank - Chi nhánh Sở giao dịch 1	134.343.937.102	134.343.937.102	162.511.633.571	250.433.942.053	46.421.628.620	46.421.628.620
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	121.027.172.241	121.027.172.241	142.783.046.768	225.255.664.810	38.554.554.199	38.554.554.199
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	13.316.764.861	13.316.764.861	19.728.586.803	25.178.277.243	7.867.074.421	7.867.074.421
Vietinbank - Chi nhánh Sông Công	25.115.738.981	25.115.738.981	163.156.744.500	101.632.771.399	86.639.712.082	86.639.712.082
+ Công ty Cổ phần Logistics ASG	25.115.738.981	25.115.738.981	152.308.829.383	100.399.531.698	77.025.036.676	77.025.036.676
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ ASGU	-	-	2.996.632.841	1.233.239.711	1.763.393.130	1.763.393.130
+ Công ty TNHH Vận tải ASG	-	-	7.851.282.276	-	7.851.282.276	7.851.282.276
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cá nhân khác	13.379.310.000	13.379.310.000	15.994.134.822	12.000.000.000	18.873.444.822	18.873.444.822
+ Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	13.379.310.000	13.379.310.000	-	-	13.379.310.000	13.379.310.000
+ Công ty Cổ phần Logistics ASG	-	-	10.500.000.000	10.500.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	-	-	5.494.134.822	-	5.494.134.822	5.494.134.822
+ Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Gia Trang	-	-	-	1.500.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	41.960.962.767	41.960.962.767	38.832.350.236	26.620.537.251	54.172.775.752	54.172.775.752
MBbank - Chi nhánh Sở giao dịch 1	41.960.962.767	41.960.962.767	38.832.350.236	26.620.537.251	54.172.775.752	54.172.775.752
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	20.794.284.953	20.794.284.953	25.920.126.711	21.816.267.451	24.898.144.213	24.898.144.213
+ Công ty TNHH Vận tải ASG	2.360.400.000	2.360.400.000	6.908.212.500	4.309.462.500	4.959.150.000	4.959.150.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	18.806.277.814	18.806.277.814	6.004.011.025	494.807.300	24.315.481.539	24.315.481.539
	214.799.948.850	214.799.948.850	460.494.863.129	390.687.250.703	286.107.561.276	286.107.561.276

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản vay (tiếp theo)

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn						
MBbank - Chi nhánh Sở giao dịch 1	78.604.064.661	78.604.064.661	36.044.120.380	26.620.537.251	88.027.647.790	88.027.647.790
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	41.584.587.622	41.584.587.622	25.649.120.380	21.816.267.451	45.417.440.551	45.417.440.551
+ Công ty TNHH Vận tải ASG	8.261.400.000	8.261.400.000	10.395.000.000	4.309.462.500	14.346.937.500	14.346.937.500
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	28.758.077.039	28.758.077.039	-	494.807.300	28.263.269.739	28.263.269.739
Trái phiếu thường						
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	295.427.152.497	295.427.152.497	-	9.053.893.624	286.373.258.873	286.373.258.873
Mệnh giá	300.000.000.000	300.000.000.000	-	10.000.000.000	290.000.000.000	290.000.000.000
Chi phí phát hành	(4.572.847.503)	(4.572.847.503)	-	(946.106.376)	(3.626.741.127)	(3.626.741.127)
	374.031.217.158	374.031.217.158	36.044.120.380	35.674.430.875	374.400.906.663	374.400.906.663
Loại trừ khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(41.960.962.767)	(41.960.962.767)	(38.832.350.236)	(26.620.537.251)	(54.172.775.752)	(54.172.775.752)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	332.070.254.391	332.070.254.391			320.228.130.911	320.228.130.911

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản vay (tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản vay:

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư gốc vay tại 31/12/2021 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Khoản vay tại Công ty mẹ							
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	53715.20.002.1517387 ngày 13/11/2020	38.554.554.199	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ logistics của Công ty	Tối đa 4 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và các giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, tài sản cố định.
2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	2850.17.002.1517387.TD ngày 10/02/2017	20.794.284.986	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị máy móc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ Logistics tại Khu Phong, Bắc Ninh	Tối đa là 06 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Năm đầu 7,8%/năm, các năm tiếp theo lãi suất thả nổi điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư trả lãi sau của MB kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm thay đổi lãi suất + biên độ 2%/ năm.	Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp - Bắc Ninh; động sản hình thành trên đất của Dự án hình thành trong tương lai, công trình xây dựng trên đất của Dự án Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - giai đoạn 1 và máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án Khu dịch vụ Logistics tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - giai đoạn 1.
3	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	1889.21.002.1517387.TD ngày 28/01/2021	24.623.155.565	Đầu tư giai đoạn 2 của dự án Khu dịch vụ Logistics tại Khu Phong, Bắc Ninh.	Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Tại ngày giải ngân là 8,5%, các năm tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 trả lãi sau của MB cộng với biên độ lãi suất 2,5%/ năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, quyền thuê dài hạn khu đất tại KCN Yên Phong- Bắc Ninh; tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc dự án Khu dịch vụ logistics tại KCN Yên Phong, Bắc Ninh - giai đoạn 1; tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản vay (tiếp theo)

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư gốc vay tại 31/12/2021 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Khoản vay tại Công ty mẹ (tiếp theo)							
4	Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	12/HEVV/TNC/ ASG ngày 18/6/2021	80.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư	6 tháng kể từ ngày đầu tiên chuyển tiền	4%	Tin chấp
Khoản vay tại Công ty Cổ phần Logistics ASG							
5	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	01/2021- HĐCVHM/NHC T222-ASGL ngày 05/07/2021	77.025.036.676	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Từ ngày 05/07/2021 đến 30/06/2022	Quy định theo từng giấy nhận nợ	Hợp đồng thế chấp tài sản số: - 04.ASGL/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 15/07/2021 - 01.ASGL/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 05/07/2021 - 01.ASGL/2020/HĐBĐ/NHCT222 ngày 11/11/2020 - 01.ASGL/2019/HĐBĐ/NHCT222 ngày 14/10/2019 - 01.ALST/2018/HĐBĐ/NHCT222 ngày 29/08/2018
6	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	01/2021- HĐCVHM/NHC T222- ASGU ngày 14/05/2021	1.763.393.130	Bổ sung vốn lưu động	6 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng Giấy nhận nợ	5,50%	Phương tiện vận tải của Công ty
Khoản vay tại Công ty TNHH Vận tải ASG							
7	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	23408.20.002. 6283004.TD ngày 29/05/2020	5.901.000.000	Đầu tư các phương tiện vận tải để mua bao gồm: 5 xe ô tô đầu kéo và 5 sơ mi rơ moóc và 4 xe ô tô tải Hino	4 năm	9,4%	Phương tiện vận tải của Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản vay (tiếp theo)

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư gốc vay tại 31/12/2021 (VND)	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Khoản vay tại Công ty TNHH Vận tải ASG (tiếp theo)							
8	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	68213.20.002. 6283004.TD ngày 23/12/2020	8.445.937.500	Đầu tư các phương tiện vận tải, xe nâng	4 năm	Năm đầu tiên là 8,5%/năm, các năm tiếp theo lãi suất thả nổi	Phương tiện vận tải của Công ty
9	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	HĐ vay hạn mức 01/2021- HĐCVHM/NHC T222-ASGT	7.851.282.276	Vay bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh	5 tháng kể từ ngày giải ngân	5,2%/ năm theo chương trình ưu đãi lãi suất Q4/2021	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của Công ty
Khoản vay tại Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam							
10	Ông Nguyễn Minh Tuấn	191227/NMT- ASL ngày 27/12/2019 và phụ lục gia hạn	13.379.310.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	12 tháng	0%	Tin chấp
Khoản vay tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không							
11	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	24628.19.002. 2612134.TD ngày 09/07/2019	7.867.074.421	Thanh toán lương, tiền Bảo hiểm xã hội, tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Cảng Cam Ranh	6 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng Giấy nhận nợ	5,5%-6,8% theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị của Công ty
12	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1	7044.20.002.2 612134.TD ngày 03/03/2020	28.263.269.739	Thanh toán tiền mua xe điện, xe nâng, tài trợ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở vật chất cho dịch vụ mặt đất giai đoạn 1 tại Sân bay Cam Ranh	5 năm	8,6%-9,2% theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị của Công ty

Các khoản vay (tiếp theo)

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư gốc vay tại 31/12/2021 (VND) vốn vay	Mục đích sử dụng	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
13	Các cá nhân khác	Các hợp đồng vay cá nhân	5.494.134.822	Thanh toán tiền xe điện, xe nâng mua trong kỳ, tài trợ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở vật chất cho dịch vụ mặt đất giai đoạn 1 tại Sân bay Cam Ranh	Từ 3 đến 6 tháng	11%	Tín chấp

319.962.433.314

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường

Ngày 19/11/2020, Công ty phát hành 3.000.000 trái phiếu thường với các thông tin như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG năm 2020.
- Mã Trái phiếu: ASG_BONDS_2020.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo.
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu, Tổng giá trị phát hành là 300.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 4.730.531.899 VND.
- Kỳ hạn Trái phiếu: 05 năm (từ ngày 19/11/2020 đến ngày 19/11/2025).

- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 06 tháng một lần vào ngày tròn 06 tháng thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu hoặc từ ngày thanh toán lãi đến ngày thanh toán lãi tiếp theo.

- Lãi suất: 9%/năm.

- Mục đích phát hành trái phiếu: Tăng quy mô vốn hoạt động để thực hiện mua lại một phần vốn góp tại Công ty TNHH hoạt động trong lĩnh vực logistics, hàng không.

- Tài sản đảm bảo: Được đảm bảo bằng 100% tài sản đảm bảo đủ điều kiện thế chấp/cầm cố theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ASG; cổ phần thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ASG tại Công ty Cổ phần Logistics ASG và Công ty Cổ phần Logistics Hàng không; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số C1339083 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái nguyên cấp cho Công ty Cổ phần Logistics ASG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	482.999.170.000	3.571.428.571	6.841.967.556	6.841.967.556	-	6.841.967.556	5.731.715.025	524.612.143	310.679.305.975	235.901.882.540	1.046.250.081.810	-	-	130.209.908.796	1.046.250.081.810	
Phát hành cổ phiếu ra công chúng (i)	72.449.870.000	57.760.038.796	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu	75.000.600.000	6.841.967.556	6.841.967.556	(6.841.967.556)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	75.000.600.000	-	-
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.332.000)	790.652.000	773.320.000	-	-	-	773.320.000	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	87.300.702.167	(23.375.945.381)	63.924.756.786	-	-	-	63.924.756.786	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	(77.922.731.125)	(14.009.154.616)	(91.931.885.741)	-	-	-	(91.931.885.741)	-
Công ty con tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.332.000)	(17.332.000)	-	-	-	(17.332.000)	-
Mua Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	112.907.669.685	112.907.669.685	-	-	-	112.907.669.685	-
Công ty con mua Cp quý	-	-	-	-	-	-	-	-	258.756.655	(8.128.802.705)	(7.870.046.050)	-	-	-	(7.870.046.050)	-
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	12.292	(12.292)	-	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng thay đổi tỷ lệ tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.209
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	546.592.857
Điều chỉnh khác	-	-	170	-	-	-	-	-	1.812.683	(35.998.819)	(66.199.999)	-	-	-	(66.199.999)	-
Số dư cuối năm trước	630.449.640.000	68.173.435.093	6.841.967.556	(6.841.967.556)	-	6.841.967.556	5.731.715.025	526.424.826	320.809.310.211	304.036.943.198	1.329.727.468.353	320.809.310.211	304.036.943.198	1.329.727.468.353	1.329.727.468.353	1.329.727.468.353
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	126.089.270.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	60.065.798.523	(25.121.336.320)	34.944.462.203	-	-	-	34.944.462.203	-
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(856.057.491)	(4.360.029.329)	(5.216.086.820)	-	-	-	(5.216.086.820)	-
Công ty con tạm ứng cổ tức năm nay (iv)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(20.798.400)	(20.798.400)	-	-	-	(20.798.400)	-
Mua Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.080.365.491	31.080.365.491	-	-	-	31.080.365.491	-
Công ty con mua CPQ	-	-	-	-	-	-	-	-	371.107.088	(12.265.618.111)	(11.894.511.023)	-	-	-	(11.894.511.023)	-
Công ty con hoàn lại cổ tức tương ứng với CPQ mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	746.672.738	592.569.620	1.339.242.358	-	-	-	1.339.242.358	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.272.352)	(18.272.352)	-	-	-	(18.272.352)	-
Số dư cuối năm nay	756.538.910.000	68.155.162.741	6.841.967.556	(6.841.967.556)	-	6.841.967.556	5.731.715.025	526.424.826	254.955.313.197	294.973.769.136	1.380.881.294.925	254.955.313.197	294.973.769.136	1.380.881.294.925	1.380.881.294.925	1.380.881.294.925

(i) Ngày 06/04/2020, Công ty hoàn thành thủ tục chào bán 7.244.987 cổ phiếu ra công chúng (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) với số vốn điều lệ tăng 72.449.870.000 VND. Tổng số vốn thu về là 130.409.766.000 VND (trong đó chi phí phát hành với số tiền 199.857.204 VND đã được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần) được sử dụng như sau:

- Số tiền 100.000.000.000 VND dùng để tăng vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty);
- Số tiền 30.409.766.000 VND dùng để đầu tư dự án Khu dịch vụ Logistics tại Bắc Ninh.

(ii) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ASG ngày 26/04/2021, ngày 08/07/2021 Công ty đã hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 100:20 (tức mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức sẽ nhận được 20 cổ phiếu phát hành thêm). Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 12.608.927, nâng tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành lên 75.653.891, tương ứng vốn điều lệ 756.538.910.000 VND.

(iii) Công ty mẹ và các công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 như sau:

	Công ty Cổ phần Logistics ASG		Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh		Công ty TNHH Vận tải ASG		Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	
	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi ích Công ty mẹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi ích Công ty mẹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi ích Công ty mẹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi ích Công ty mẹ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	607.610.343	-	-	248.447.148	165.729	-	-	856.223.220
Chi trả cổ tức bằng tiền	-	59.760.136.400	6.475.680.332	4.324.319.668	11.992.000.615	7.999.385	4.500.000.000	87.100.000.000
Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	(59.760.136.400)	(6.475.680.332)	(4.319.668)	(11.992.000.615)	(7.999.385)	(4.500.000.000)	(82.740.136.400)
	607.610.343	-	39.863.600	4.320.000.000	248.447.148	165.729	-	5.216.086.820

(iv) Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

	Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty con VND	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty con VND
- Trích cổ tức (12% vốn điều lệ)	31.200.000.000	31.179.201.600	20.798.400
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	(31.179.201.600)	-
	31.200.000.000	-	20.798.400

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư APL (đổi tên từ Công ty Cổ phần Giao nhận và Kho vận Quốc Tế)	67.261.200.000	8,89	56.051.000.000	8,89
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành	49.032.080.000	6,48	40.860.070.000	6,48
- Các cổ đông khác	640.245.630.000	84,63	533.538.570.000	84,63
	756.538.910.000	100,00	630.449.640.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	630.449.640.000	482.999.170.000
- Vốn góp tăng trong năm	126.089.270.000	147.450.470.000
- Vốn góp cuối năm	756.538.910.000	630.449.640.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.569.352.500	923.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	126.089.270.000	72.449.875.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	126.089.270.000	72.449.875.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.492.980.000	71.804.423.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.492.980.000	71.804.423.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	126.089.270.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	126.089.270.000	-
Số dư cuối năm	76.372.500	1.569.352.500

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.653.891	63.044.964
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	75.653.891	63.044.964
- Cổ phiếu phổ thông	75.653.891	63.044.964
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.653.891	63.044.964
- Cổ phiếu phổ thông	75.653.891	63.044.964
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	526.424.826	526.424.826

21. Tài khoản ngoại bảng và Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động

Công ty mẹ thuê đất và cơ sở hạ tầng tại các địa điểm sau đây:

- Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài theo quyết định 2175/QĐ-CVMB ngày 06/11/2015 để sử dụng nhằm mục đích xây dựng văn phòng Công ty và khu dịch vụ logistics trong vòng 49 năm kể từ ngày 10/12/2014. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm. Giá đất, tiền thuê đất phải nộp do cơ quan Thuế ban hành theo quy định của Luật đất đai.
- Đất và cơ sở hạ tầng trên đất số 02/2017/BDS-HĐKT tại Khu công nghiệp Yên Phong để sử dụng cho hoạt động của chi nhánh Bắc Ninh trong vòng 38 năm và 3 tháng kể từ ngày 09/01/2017. Công ty đã trả tiền thuê cơ sở hạ tầng một lần cho toàn bộ thời gian thuê.
- Văn phòng số 01122020/NMC-ASG ngày 01/12/2020 tại tầng 4 tòa nhà Plaschem, 562 Nguyễn Văn Cừ để sử dụng làm văn phòng đại diện.

Công ty Cổ phần Logistics ASG (Công ty con của Công ty) thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô số 5, Khu Công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số N005/2014/YBI-ALST ngày 18/3/2014. Thời hạn thuê đất và cơ sở hạ tầng là 49 năm phục vụ cho dự án kho hàng không kéo dài tại Thái Nguyên. Công ty đã trả tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng cho toàn bộ thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty con của Công ty) ký hợp đồng thuê đất không hủy ngang tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh để sử dụng làm nhà để xe taxi và nhà hàng từ năm 2011 tới 2021. Diện tích khu đất thuê là 2.244 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng thuê vị trí tại các Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Cảng hàng không Phù Cát, Cảng hàng không Chu Lai, Cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II Kim Thành Lào Cai để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh.

Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	58.681,24	33.110,68

22. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu	722.200.202.004	688.906.778.823
Dịch vụ hàng hóa hàng không	405.518.658.365	329.997.937.399
Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách	226.266.842.712	225.606.943.814
Dịch vụ kho bãi và cho thuê văn phòng	32.956.279.923	32.134.125.936
Dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	14.188.158.975	50.474.479.040
Dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	18.491.333.780	35.965.553.601
Doanh thu hợp tác kinh doanh	2.824.513.362	8.370.670.003
Doanh thu khác	21.954.414.887	6.357.069.030
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.000	807.637.293
Chiết khấu thương mại	-	807.637.293
Giảm giá hàng bán	20.000	-
Doanh thu thuần	722.200.182.004	688.099.141.530
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 37)	83.311.501.630	71.195.527.522

23. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn dịch vụ hàng hóa hàng không	254.087.057.364	209.505.327.466
Giá vốn dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách	189.959.863.989	171.234.879.898
Giá vốn dịch vụ kho bãi và cho thuê văn phòng	17.464.788.018	16.289.632.572
Giá vốn dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không	39.001.698.735	67.203.653.128
Giá vốn dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	22.420.153.525	33.640.181.640
Giá vốn hợp tác kinh doanh	2.952.192.319	7.060.245.479
Giá vốn khác	15.560.021.697	3.834.359.884
541.445.775.647	508.768.280.067	

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.664.331.336	21.994.767.039
Cổ tức được chia	5.328.800.000	3.937.824.847
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	8.121.356.639	-
Lãi trái phiếu	1.186.664.044	170.587.655
Lãi chuyển nhượng trái phiếu	-	986.354.136
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	60.636.747	288.873.626
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.774.828	-
30.363.563.594	27.378.407.303	
Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Thuyết minh 37)	278.945.205	221.712.328

25. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	17.182.268.948	18.977.203.809
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	501.373.874
Lãi trái phiếu thường	26.996.465.754	3.180.821.918
Chênh lệch lãi trái phiếu chuyển đổi theo lãi suất thị trường	-	604.996.100
Dự phòng/hoàn nhập đầu tư tài chính	(2.064.200.000)	7.897.899.220
Chi phí phát hành trái phiếu thường	946.106.376	157.684.396
Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	2.968.536
Chi phí thẩm định giá cổ phần	50.000.000	272.727.273
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	170.668.575	224.614.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.004.844	23.837.045
Chi phí tài chính khác	753.373.312	165.877.395
	44.037.687.809	32.010.004.005

26. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	1.690.785.695	3.391.348.382
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.619.004.202	1.714.522.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.577.472	71.344.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.645.778.025	2.731.429.843
Chi phí bằng tiền khác	118.540.139	156.309.070
	5.157.685.533	8.064.954.136

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.641.695.870	39.853.062.101
Chi phí vật liệu và dụng cụ quản lý	2.018.548.426	1.904.549.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.256.115.239	5.695.004.159
Thuế phí và lệ phí	250.942.109	320.778.288
Chi phí trích lập/hoàn nhập dự phòng	6.054.865.312	700.342.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.288.637.022	19.987.681.444
Chi phí bằng tiền khác	11.307.704.564	14.580.207.488
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	10.810.776.274	8.742.053.686
	103.629.284.816	91.783.678.590

28. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ thanh lý CCDC và nhiên liệu	12.884.600	103.070.204
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh 3)	-	5.792.505.549
Thu phạt hợp đồng	11.930.000	2.500.000
Thu nhập khác	342.710.367	106.532.970
	367.524.967	6.004.608.723

29. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thanh lý CCDC và nhiên liệu	15.458.809	55.345.293
Chi phí thanh lý dầu xe tải	-	28.111.830
Các khoản bị phạt	-	340.638.271
Chi phí khác	87.462.208	15.173.294
	102.921.017	439.268.688

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	2.330.789.694
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	23.705.086.305	11.719.421.725
- Công ty Cổ phần Logistics ASG	17.374.584.473	7.576.381.789
- Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh	2.538.980.539	1.952.727.514
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	545.455	-
- Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh	100.630.684	124.386.645
- Công ty TNHH Hạ tầng và Phát triển Khu công nghiệp ASG	1.666.885.031	794.263.016
- Công ty TNHH Vận tải ASG	2.012.717.665	1.230.858.031
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không ASG	-	40.804.730
- Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	10.742.458	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	23.705.086.305	14.050.211.419

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.396.234.230	2.149.024.210
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	16.989.896.290	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.386.130.520	2.149.024.210

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	24.020.083.596	6.010.734.215
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.020.083.596	6.010.734.215

c. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	18.009.349.381	4.119.285.795
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(160.835.874)	(1.681.890.619)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(16.989.896.290)	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(62.412.369)	(64.014.419)
	796.204.848	2.373.380.757

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.065.798.523	87.300.702.167
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	60.065.798.523	87.300.702.167
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	75.653.891	71.991.490
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	794	1.213

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.308.902.655	42.770.135.220
Chi phí nhân công	149.433.087.580	149.673.714.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.235.282.504	52.507.204.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	351.248.254.501	327.806.102.508
Chi phí khác bằng tiền	22.943.028.869	26.739.563.616
	633.168.556.109	599.496.719.860

34. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.335.598.773	-	367.600.627.050	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	172.424.191.865	(10.209.207.568)	122.236.240.508	(4.154.342.256)
Các khoản cho vay	151.550.332.742	-	196.018.850.882	-
Đầu tư ngắn hạn	107.316.843.307	(5.980.662.970)	121.752.902.819	(8.044.862.970)
	568.626.966.687	(16.189.870.538)	807.608.621.259	(12.199.205.226)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			606.335.692.187	546.870.203.241
Phải trả người bán, phải trả khác			88.829.093.212	76.150.227.227
Chi phí phải trả			6.049.862.432	10.357.213.052
			701.214.647.831	633.377.643.520

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Handwritten signature

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2021			
Đầu tư ngắn hạn	101.336.180.337	-	101.336.180.337
	101.336.180.337	-	101.336.180.337
01/01/2021			
Đầu tư ngắn hạn	113.708.039.849	-	113.708.039.849
	113.708.039.849	-	113.708.039.849

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.335.598.773	-	137.335.598.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	161.926.418.087	288.566.210	162.214.984.297
Các khoản cho vay	151.550.332.742	-	151.550.332.742
	450.812.349.602	288.566.210	451.100.915.812
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	367.600.627.050	-	367.600.627.050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.012.848.252	69.050.000	118.081.898.252
Các khoản cho vay	196.018.850.882	-	196.018.850.882
	681.632.326.184	69.050.000	681.701.376.184

Handwritten signature

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Vay và nợ	286.107.561.276	320.228.130.911	606.335.692.187
Phải trả người bán, phải trả khác	88.799.093.212	30.000.000	88.829.093.212
Chi phí phải trả	6.049.862.432	-	6.049.862.432
	380.956.516.920	320.258.130.911	701.214.647.831
01/01/2021			
Vay và nợ	214.799.948.850	332.070.254.391	546.870.203.241
Phải trả người bán, phải trả khác	76.120.227.227	30.000.000	76.150.227.227
Chi phí phải trả	10.357.213.052	-	10.357.213.052
	301.277.389.129	332.100.254.391	633.377.643.520

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Handwritten signature/initials

Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG

Khu dịch vụ Logistics, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

36. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Theo lĩnh vực kinh doanh:	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hàng không		Dịch vụ phục vụ mặt đất hàng không		Khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	405.518.658.365	226.266.842.712	14.188.158.975	76.226.521.952	722.200.182.004	-	-	722.200.182.004
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	55.501.839.745	93.812.816.015	-	6.745.617.073	156.060.272.833	(156.060.272.833)	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	151.431.601.001	36.306.978.723	(24.813.539.760)	17.829.366.393				180.754.406.357
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	30.632.476.343	-	30.632.476.343	-	-	30.632.476.343
Tài sản bộ phận	-	-	3.846.523.125.071	(1.725.840.811.943)	2.120.682.313.128	-	-	2.120.682.313.128
Tài sản không phân bổ	-	-	19.386.130.520	-	19.386.130.520	-	-	19.386.130.520
Tổng tài sản	-	-	3.865.909.255.591	(1.725.840.811.943)	2.140.068.443.648			2.140.068.443.648
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	982.821.011.085	(247.653.945.958)	735.167.065.127	-	-	735.167.065.127
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	24.020.083.596	-	24.020.083.596	-	-	24.020.083.596
Tổng nợ phải trả	-	-	1.006.841.094.681	(247.653.945.958)	759.187.148.723			759.187.148.723
Theo khu vực địa lý:								
	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	634.444.808.411	41.594.673.926	46.160.699.667	722.200.182.004				
Tổng chi phí mua tài sản cố định	27.159.699.380	154.093.728	3.318.683.235	30.632.476.343				
Tài sản bộ phận	1.673.321.444.068	331.572.837.224	135.174.162.356	2.140.068.443.648				

Handwritten signature/initials

37. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ của các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Tổ chức có liên quan đến bà Bùi Thị Lệ Hằng - thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cung cấp dịch vụ	83.311.501.630	71.195.527.522
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	26.522.211.700	27.201.000.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	18.576.594.860	11.824.160.685
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	33.512.424.541	25.464.654.606
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	4.700.270.529	6.705.712.231
Mua dịch vụ	51.837.696.858	45.174.117.536
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	548.635.000	809.210.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	9.934.498.882	5.433.103.309
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	34.183.446.120	28.807.651.569
Công ty cổ phần HANA-DH TLS	516.312.010	-
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	6.654.804.846	10.124.152.658
Trả hộ	852.657.804	1.427.980.887
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	852.657.804	361.918.660
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	-	1.066.062.227
Thu hộ	4.933.802.843	4.812.970.509
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	14.815.508	-
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	4.918.987.335	4.811.861.259
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	-	1.109.250
Cho vay	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	16.000.000.000	-
Lãi cho vay	278.945.205	221.712.328
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	278.945.205	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn	-	221.712.328
Vay ngắn hạn	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	80.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.718.356.164	-
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	1.718.356.164	-
Nhận đặt cọc	9.176.000	-
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	9.176.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	15.923.938.211	17.010.677.718
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	7.162.766.519	7.293.000.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	4.402.364.731	2.003.891.211
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	4.095.930.446	5.849.240.885
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	262.876.515	1.864.545.622
Phải trả cho người bán ngắn hạn	8.938.340.451	10.195.293.177
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	117.450.000	63.150.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	2.825.100.781	1.368.238.813
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	4.656.431.823	7.764.544.391
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	1.339.357.847	999.359.973
Phải thu ngắn hạn khác	301.437.883	25.555.972
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	22.492.678	25.555.972
Công ty Cổ phần Jetlink Việt Nam	278.945.205	-
Phải trả khác ngắn hạn	9.176.000	-
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	9.176.000	-
Vay ngắn hạn	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	80.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.718.356.164	-
Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh	1.718.356.164	-

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Dương Đức Tính	1.222.545.612	1.085.002.958
Ông Phạm Văn Hà	259.016.667	249.516.667
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	120.000.000	120.000.000
Ông Lý Lâm Duy	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	120.000.000	120.000.000
Ông Trương Minh Hoàng	853.494.444	695.883.335
	2.695.056.723	2.390.402.960

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc đánh giá giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay Phía Nam (ASL) mà năm 2020 được ghi nhận theo phương pháp kế toán tạm thời tại ngày mua. Công ty đã xác định ảnh hưởng của việc đánh giá lại giá trị hợp lý và điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên		Số liệu điều chỉnh lại
		Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Điều chỉnh	
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
Chứng khoán kinh doanh	121	159.252.902.819	3.314.581.374	162.567.484.193
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	276.472.888.262	8.140.935.278	284.613.823.540
Đầu tư góp vốn vào đơn vị	253	237.437.600.000	(1.998.274.550)	235.439.325.450
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	4.119.285.795	1.891.448.420	6.010.734.215
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	315.172.793.918	5.636.516.293	320.809.310.211
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	302.107.665.809	1.929.277.389	304.036.943.198
b) Báo cáo Kết quả hoạt động-kinh doanh hợp nhất				
Thu nhập khác	31	368.092.430	5.636.516.293	6.004.608.723
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng Công ty mẹ	61	81.664.185.874	5.636.516.293	87.300.702.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.361	(148)	1.213
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	74.711.832.669	5.636.516.293	80.348.348.962
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(25.255.309.002)	(5.636.516.293)	(30.891.825.295)

39. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2022.








Trần Thị Thu Hương
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Lê Hằng
 Kế toán trưởng

Dương Đức Tính
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ASG

Địa chỉ: Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài,
xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3761 6688

E-mail: info@asg.net.vn

Website: www.asg.net.vn

Mã chứng khoán: ASG (HOSE)